

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2
Kèm theo quyết định số _____/QĐ-ĐHCT - Ký ngày _____
Học kỳ 2 - Năm học 2018-2019

Đơn vị: K.Công nghệ Thông tin & Truyền thông

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
Ngành học: Công nghệ thông tin (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (liên thông CĐ lên ĐH))											
1	DC16V7K500	Nguyễn Minh Đủ	04/05/90	DC16V7K1		2.29	70	Trung bình	Công nghệ thông tin		
2	DC16V7K501	Huỳnh Văn Đứng	10/12/90	DC16V7K1		2.12	70	Trung bình	Công nghệ thông tin		
3	DC16V7K502	Ngô Thị Lệ Hằng	18/03/93	DC16V7K1	N	2.55	70	Khá	Công nghệ thông tin		
4	DC16V7K503	Phạm Tiến Hào	06/02/93	DC16V7K1		2.76	70	Khá	Công nghệ thông tin		
5	DC16V7K504	Trần Vũ Hiền	03/01/94	DC16V7K1		2.25	70	Trung bình	Công nghệ thông tin		
6	DC16V7K506	Trịnh Chí Hiếu	21/02/88	DC16V7K1		2.59	70	Khá	Công nghệ thông tin		
7	DC16V7K509	Hồ Thị Thúy Loan	13/12/86	DC16V7K1	N	2.79	70	Khá	Công nghệ thông tin		
8	DC16V7K510	Huỳnh Văn Mết	08/09/90	DC16V7K1		2.22	70	Trung bình	Công nghệ thông tin		
9	DC16V7K512	Nguyễn Thị Kim Ngân	20/06/91	DC16V7K1	N	2.60	70	Khá	Công nghệ thông tin		
10	DC16V7K513	Nguyễn Long Phi	11/09/93	DC16V7K1		2.44	70	Trung bình	Công nghệ thông tin		
11	DC16V7K514	Nguyễn Ngọc Thanh	20/11/93	DC16V7K1	N	2.47	70	Trung bình	Công nghệ thông tin		
12	DC16V7K517	Cù Thanh Toàn	12/04/88	DC16V7K1		2.43	70	Trung bình	Công nghệ thông tin		
13	DC16V7K518	Phan Trung Trực	05/02/91	DC16V7K1		2.41	70	Trung bình	Công nghệ thông tin		
14	DC16V7K520	Trần Nhật Trường	29/10/94	DC16V7K1		2.63	70	Khá	Công nghệ thông tin		

Tổng số danh sách: 14 sinh viên

Lập biểu

Trưởng K.Công nghệ Thông tin & Truyền thông

Ngày 14 tháng 03 năm 2019
Giám đốc TT Liên kết Đào Tạo

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2
Kèm theo quyết định số _____/QĐ-ĐHCT - Ký ngày _____
Học kỳ 2 - Năm học 2018-2019

Đơn vị: Khoa Ngoại ngữ

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
Ngành học: Ngôn ngữ Anh (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học)											
1	DC15V1H537	Đặng Thị Kim Liên	15/06/83	DC16V1H1	N	2.95	70	Khá	Ngôn ngữ Anh		
2	DC16V1H006	Trần Võ Hải Đường	05/11/90	DC16V1H1		3.53	70	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
3	DC16V1H009	Lý Huỳnh	10/07/88	DC16V1H1		2.86	70	Khá	Ngôn ngữ Anh		
4	DC16V1H010	Nguyễn Thị Thúy Huỳnh	23/12/86	DC16V1H1	N	3.58	74	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
5	DC16V1H015	Nguyễn Thị Thúy Lựu	19/02/86	DC16V1H1	N	3.11	70	Khá	Ngôn ngữ Anh		
6	DC16V1H018	Huỳnh Thị Muội	09/10/86	DC16V1H1	N	2.76	70	Khá	Ngôn ngữ Anh		
7	DC16V1H019	Tạ Thị Nga	20/10/90	DC16V1H1	N	3.54	70	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
8	DC16V1H020	Đinh Thị Bích Ngọc	07/09/82	DC16V1H1	N	3.23	70	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
9	DC16V1H026	Võ Hoàng Tâm	15/02/80	DC16V1H1		2.79	70	Khá	Ngôn ngữ Anh		
10	DC16V1H031	Lê Bảo Toàn	11/03/72	DC16V1H1		3.49	70	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
11	DC16V1H032	Liên Thu Trang	/ /73	DC16V1H1	N	3.52	70	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
12	DC16V1H038	Lê Như Ý	25/10/88	DC16V1H1	N	3.77	70	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh		
13	DC16V1H041	Nguyễn Hồng Đức	05/02/76	DC16V1H1		3.31	70	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
14	DC16V1H044	Phan Huỳnh Bảo Phương	02/03/90	DC16V1H1	N	3.16	70	Khá	Ngôn ngữ Anh		
15	DC16V1H046	Nguyễn Việt Thủy	15/09/78	DC16V1H1	N	3.30	70	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
16	DC16V1H050	Lương Nhật Duy	29/07/91	DC16V1H1		2.42	72	Trung bình	Ngôn ngữ Anh		
Ngành học: Ngôn ngữ Anh (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (tập trung))											
1	CT14V1M501	Nguyễn Thị Thủy An	23/10/96	CT14V1M1	N	3.13	141	Khá	Ngôn ngữ Anh		
2	CT14V1M509	Trần Nguyễn Thảo Linh	04/12/94	CT14V1M1	N	2.43	141	Trung bình	Ngôn ngữ Anh		
3	CT14V1M513	Lâm Mỹ Phương	25/12/96	CT14V1M1	N	2.50	141	Khá	Ngôn ngữ Anh		
4	CT14V1M515	Lương Văn Tâm	20/02/95	CT14V1M1		2.13	142	Trung bình	Ngôn ngữ Anh		
5	CT14V1M520	Lư Thị Kim Thư	12/07/94	CT14V1M1	N	2.26	141	Trung bình	Ngôn ngữ Anh		
6	CT14V1M522	Tô Thanh Thuận	03/04/95	CT14V1M1		2.41	141	Trung bình	Ngôn ngữ Anh		
7	DC14V1N500	Trần Hiếu Hạnh	16/01/94	CT14V1M1	N	3.17	141	Khá	Ngôn ngữ Anh		

Tổng số danh sách: **23** sinh viên

Lập biểu

Trưởng Khoa Ngoại ngữ

Ngày 14 tháng 03 năm 2019
Giám đốc TT Liên kết Đào Tạo

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2
Kèm theo quyết định số _____/QĐ-ĐHCT - Ký ngày _____
Học kỳ 2 - Năm học 2018-2019

Đơn vị: Khoa Kinh tế

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
Ngành học: Kế toán (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học)											
1	CK1620H500	Nguyễn Thị Ái	26/09/93	CK1620H1	N	3.07	76	Khá	Kế toán		
2	CK1620H503	Nguyễn Huỳnh Mai Anh	15/04/93	CK1620H1	N	3.55	76	Giỏi	Kế toán		
3	CK1620H506	Ngô Thị Kiều Diễm	08/10/93	CK1620H1	N	3.28	76	Giỏi	Kế toán		
4	CK1620H511	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	12/12/87	CK1620H1	N	2.68	76	Khá	Kế toán		
5	CK1620H512	Đặng Nguyễn Kiều Hạnh	07/01/84	CK1620H1	N	3.07	76	Khá	Kế toán		
6	CK1620H518	Võ Thị Kim Ngân	08/02/88	CK1620H1	N	3.31	76	Giỏi	Kế toán		
7	CK1620H519	Ngô Bích Ngọc	10/12/80	CK1620H1	N	2.59	76	Khá	Kế toán		
8	CK1620H527	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	01/05/90	CK1620H1	N	3.22	76	Giỏi	Kế toán		
9	CK1620H531	Nguyễn Thị Bạch Yến	04/05/83	CK1620H1	N	3.33	76	Giỏi	Kế toán		
Ngành học: Kế toán (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (liên thông CĐ lên ĐH))											
1	CD1720K001	Nguyễn Thị Kim Cương	02/09/94	CD1720K1	N	3.27	56	Giỏi	Kế toán		
2	CD1720K005	Nguyễn Thị Trúc Hân	15/03/89	CD1720K1	N	2.95	56	Khá	Kế toán		
3	CD1720K006	Thái Thị Kim Hân	10/06/92	CD1720K1	N	2.89	56	Khá	Kế toán		
4	CD1720K010	Cao Tấn Kiệt	11/05/92	CD1720K1		2.56	56	Khá	Kế toán		
5	CD1720K011	Phan Thị Chúc Linh	10/03/90	CD1720K1	N	2.92	56	Khá	Kế toán		
6	CD1720K014	Trịnh Thị Diễm My	19/03/93	CD1720K1	N	2.96	56	Khá	Kế toán		
7	CD1720K017	Trang Văn Nhăng	01/11/93	CD1720K1		3.37	56	Giỏi	Kế toán		
8	CD1720K020	Nguyễn Tấn Phát	13/09/94	CD1720K1		3.14	56	Khá	Kế toán		
9	CD1720K022	Đỗ Kim Phương	05/10/94	CD1720K1	N	2.64	56	Khá	Kế toán		
10	CD1720K024	Trần Nghĩa Thuế	02/08/93	CD1720K1		2.63	56	Khá	Kế toán		
11	CD1720K025	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	22/07/91	CD1720K1	N	2.57	56	Khá	Kế toán		
12	CD1720K026	Nguyễn Thanh Tổng	27/08/91	CD1720K1		2.88	56	Khá	Kế toán		
13	CD1720K027	Lê Huỳnh Ngọc Trâm	10/08/93	CD1720K1	N	2.86	56	Khá	Kế toán		
14	CD1720K032	Trần Ngọc Yến	26/03/85	CD1720K1	N	2.96	56	Khá	Kế toán		
15	CD1720K033	Phan Thị Trúc Giang	24/06/92	CD1720K1	N	2.68	56	Khá	Kế toán		
16	CD1720K035	Lý Thị Lệ	17/12/86	CD1720K1	N	2.99	56	Khá	Kế toán		
17	CD1720K037	Trần Nguyễn Huỳnh Phương	10/03/87	CD1720K1	N	2.81	56	Khá	Kế toán		
18	CD1720K039	Phạm Thị Kiều Tiên	10/08/91	CD1720K1	N	2.76	56	Khá	Kế toán		
19	CD1720K041	Lê Thị Thùy Vương	19/10/92	CD1720K1	N	2.92	56	Khá	Kế toán		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
20	DC1620K038	Trần Thị Thanh Thủy	05/03/91	DC1720K1	N	3.09	56	Khá	Kế toán		
21	DC1720K002	Võ Thị Kim Ngọc Hân	23/07/93	DC1720K1	N	2.65	56	Khá	Kế toán		
22	DC1720K004	Huỳnh Thiện Huỳnh	08/01/87	DC1720K1		2.36	56	Trung bình	Kế toán		
23	DC1720K007	Đỗ Mỹ Linh	07/07/95	DC1720K1	N	2.54	56	Khá	Kế toán		
24	DC1720K009	Châu Huệ Mi	08/04/93	DC1720K1	N	2.52	56	Khá	Kế toán		
25	DC1720K010	Huỳnh Thị Diễm My	01/07/92	DC1720K1	N	2.62	56	Khá	Kế toán		
26	DC1720K014	Hồ Yến Phi	11/05/91	DC1720K1	N	2.87	56	Khá	Kế toán		
27	DC1720K017	Nguyễn Thị Ngọc Sáng	21/02/93	DC1720K1	N	2.71	57	Khá	Kế toán		
28	DC1720K018	Nguyễn Bé Thơ	16/04/93	DC1720K1	N	2.19	57	Trung bình	Kế toán		
29	DC1720K019	Nguyễn Thị Thương	03/08/93	DC1720K1	N	2.87	56	Khá	Kế toán		
30	DC1720K020	Nguyễn Trương Bảo Trâm	18/01/93	DC1720K1	N	2.98	56	Khá	Kế toán		
31	DC1720K022	Nguyễn Ngọc Đợi	24/04/93	DC1720K1		2.70	56	Khá	Kế toán		
32	DC1720K024	Phạm Ngọc Như Hòa	19/02/94	DC1720K1	N	3.09	56	Khá	Kế toán		
33	DC1720K025	Nguyễn Trần Hoàng Sơn	26/04/92	DC1720K1		3.04	56	Khá	Kế toán		
34	DC1720K028	Nguyễn Thanh Vũ	28/10/93	DC1720K1		2.44	57	Trung bình	Kế toán		
35	DC1720K030	Nguyễn Tấn Đạt	06/06/94	DC1720K1		2.52	56	Khá	Kế toán		
36	DC1720K036	Trần Thị Lài	03/08/91	DC1720K1	N	2.80	56	Khá	Kế toán		
37	DC1720K037	Ngô Thị Tuyết Minh	27/04/93	DC1720K1	N	2.40	56	Trung bình	Kế toán		
38	DC1720K039	Nguyễn Thị Minh Ngọc	11/01/92	DC1720K1	N	2.83	56	Khá	Kế toán		
39	DC1720K042	Trần Xuân Thùy	20/06/92	DC1720K1	N	2.57	56	Khá	Kế toán		
40	DC1720K044	Lê Thị Ngọc Hân	28/09/92	DC1720K1	N	2.63	56	Khá	Kế toán		
41	DC1720K301	Phạm Thị Cẩm	07/10/96	DC1720K2	N	2.82	56	Khá	Kế toán		
42	DC1720K302	Trần Mỹ Diễm	10/02/95	DC1720K2	N	2.79	56	Khá	Kế toán		
43	DC1720K304	Nguyễn Thông Đạt	22/11/93	DC1720K2		3.24	56	Giỏi	Kế toán		
44	DC1720K307	Nguyễn Thị Hà	14/12/91	DC1720K2	N	3.10	56	Khá	Kế toán		
45	DC1720K308	Nguyễn Thị Hiếu Hạnh	04/02/96	DC1720K2	N	3.20	56	Giỏi	Kế toán		
46	DC1720K309	Tăng Kim Hạnh	09/07/88	DC1720K2	N	3.07	56	Khá	Kế toán		
47	DC1720K311	Lê Thị Kim Hòa	06/08/90	DC1720K2	N	2.75	56	Khá	Kế toán		
48	DC1720K312	Phan Thị Mộng Kha	24/04/95	DC1720K2	N	3.11	56	Khá	Kế toán		
49	DC1720K316	Lê Thị Kim Ngân	10/06/95	DC1720K2	N	2.73	56	Khá	Kế toán		
50	DC1720K317	Lữ Thị Bích Ngọc	17/09/92	DC1720K2	N	2.48	56	Trung bình	Kế toán		
51	DC1720K318	Nguyễn Kim Ngọc	18/08/92	DC1720K2	N	2.26	56	Trung bình	Kế toán		
52	DC1720K319	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	02/12/95	DC1720K2	N	2.82	56	Khá	Kế toán		
53	DC1720K321	Trần Thị Ngọc Rạng	06/04/93	DC1720K2	N	2.72	56	Khá	Kế toán		
54	DC1720K325	Thái Ngọc Thoa	08/10/95	DC1720K2	N	3.24	56	Giỏi	Kế toán		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
55	DC1720K326	Huỳnh Xuân Thùy	12/02/93	DC1720K2	N	3.16	56	Khá	Kế toán		
56	DC1720K332	Phan Thị Phụng Nhi	19/01/93	DC1720K2	N	2.32	56	Trung bình	Kế toán		
57	DC1720K333	Nguyễn Lê Tuyết Như	26/08/93	DC1720K2	N	2.86	56	Khá	Kế toán		
58	DC1720K334	Lý Thanh Quang	16/02/93	DC1720K2		2.35	56	Trung bình	Kế toán		
59	OM1720K002	Mai Văn Cấp	12/01/84	OM1720K1		2.45	56	Trung bình	Kế toán		
60	OM1720K003	Nguyễn Thị Kim Cương	25/05/80	OM1720K1	N	3.09	56	Khá	Kế toán		
61	OM1720K004	Phan Thị Cẩm Diệu	20/11/89	OM1720K1	N	2.95	56	Khá	Kế toán		
62	OM1720K005	Nguyễn Tuấn Em	16/06/92	OM1720K1		2.50	56	Khá	Kế toán		
63	OM1720K006	Thái Thị Ngọc Hân	10/08/95	OM1720K1	N	2.80	56	Khá	Kế toán		
64	OM1720K007	Trương Thị Mỹ Hạnh	01/03/87	OM1720K1	N	2.93	56	Khá	Kế toán		
65	OM1720K009	Nguyễn Thị ánh Hồng	02/04/81	OM1720K1	N	2.59	56	Khá	Kế toán		
66	OM1720K011	Phan Thị Mai	01/01/75	OM1720K1	N	2.98	56	Khá	Kế toán		
67	OM1720K012	Đỗ Như Mai	09/06/90	OM1720K1	N	2.96	56	Khá	Kế toán		
68	OM1720K013	Vũ Thái Nam	10/02/92	OM1720K1		3.29	56	Giỏi	Kế toán		
69	OM1720K016	Bùi Trọng Nghĩa	29/05/91	OM1720K1		2.86	56	Khá	Kế toán		
70	OM1720K018	Nguyễn Văn Nhanh	10/09/92	OM1720K1		2.70	56	Khá	Kế toán		
71	OM1720K019	Nguyễn Thị Bảo Như	10/12/90	OM1720K1	N	2.58	56	Khá	Kế toán		
72	OM1720K020	Đoàn Thị Hồng Nhung	02/01/91	OM1720K1	N	2.88	56	Khá	Kế toán		
73	OM1720K021	Trần Thị Mai Oanh	04/05/86	OM1720K1	N	2.29	56	Trung bình	Kế toán		
74	OM1720K024	Phạm Vạn Phúc	10/08/94	OM1720K1		2.37	56	Trung bình	Kế toán		
75	OM1720K025	Phan Thị Diễm Phượng	10/07/86	OM1720K1	N	2.94	56	Khá	Kế toán		
76	OM1720K026	Nguyễn Quốc Thái	18/03/86	OM1720K1		2.62	56	Khá	Kế toán		
77	OM1720K029	Nguyễn Văn Thành	/ /76	OM1720K1		2.48	56	Trung bình	Kế toán		
78	OM1720K031	Hà Phương Thảo	20/04/92	OM1720K1	N	3.61	56	Xuất sắc	Kế toán		
79	OM1720K032	Võ Thị Hồng Thi	28/10/82	OM1720K1	N	3.04	56	Khá	Kế toán		
80	OM1720K033	Lê Ngọc Xuân Thu	08/11/93	OM1720K1	N	3.24	56	Giỏi	Kế toán		
81	OM1720K035	Lê Tiểu Thương	14/03/93	OM1720K1	N	3.02	56	Khá	Kế toán		
82	OM1720K038	Trần Huỳnh Trang	20/09/85	OM1720K1	N	2.95	56	Khá	Kế toán		
83	OM1720K039	Nguyễn Thị Thùy Trang	15/07/76	OM1720K1	N	2.86	56	Khá	Kế toán		
84	OM1720K041	Trần Thị Mỹ Trinh	20/10/87	OM1720K1	N	3.21	56	Giỏi	Kế toán		
85	OM1720K043	Tiêu Huyền Vân	07/12/85	OM1720K1	N	2.63	56	Khá	Kế toán		
86	OM1720K044	Nguyễn Thị Vinh	05/05/67	OM1720K1	N	2.53	56	Khá	Kế toán		
87	OM1720K046	Lê Văn Chuyển	10/07/88	OM1720K1		2.89	56	Khá	Kế toán		
88	OM1720K047	Nguyễn Thụy Việt Hà	26/04/92	OM1720K1	N	2.67	56	Khá	Kế toán		
89	OM1720K049	Võ Thị Thúy Oanh	06/11/90	OM1720K1	N	3.09	56	Khá	Kế toán		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
90	OM1720K051	Nguyễn Thị Chon	/ /87	OM1720K1	N	2.87	56	Khá	Kế toán		
91	ST1720K001	Nguyễn Thị An	19/07/93	ST1720K1	N	2.72	56	Khá	Kế toán		
92	ST1720K002	Trương Tiểu Băng	02/10/93	ST1720K1	N	2.68	56	Khá	Kế toán		
93	ST1720K007	Trịnh Thị Hòa	03/02/83	ST1720K1	N	2.72	56	Khá	Kế toán		
94	ST1720K009	Nguyễn Phương Huyền	05/08/81	ST1720K1	N	3.02	56	Khá	Kế toán		
95	ST1720K010	Vương Đăng Khoa	25/10/92	ST1720K1		2.76	56	Khá	Kế toán		
96	ST1720K013	Nguyễn Thị Thủy Linh	20/02/92	ST1720K1	N	2.67	56	Khá	Kế toán		
97	ST1720K014	Nguyễn Phương Linh	27/03/92	ST1720K1	N	2.77	56	Khá	Kế toán		
98	ST1720K016	Lê Diễm Mi	26/02/91	ST1720K1	N	2.96	56	Khá	Kế toán		
99	ST1720K018	Nguyễn Thị Ngọt	27/10/94	ST1720K1	N	2.82	56	Khá	Kế toán		
100	ST1720K021	Nguyễn Thị Thúy Oanh	20/06/83	ST1720K1	N	2.56	56	Khá	Kế toán		
101	ST1720K022	Lâm Thị Kim Oanh	30/01/94	ST1720K1	N	2.80	56	Khá	Kế toán		
102	ST1720K023	Đặng Mỹ Phương	14/08/96	ST1720K1	N	2.64	56	Khá	Kế toán		
103	ST1720K024	Trần Bạc Púng	25/04/93	ST1720K1		2.86	56	Khá	Kế toán		
104	ST1720K025	Lâm Văn Tài	04/08/90	ST1720K1		2.66	56	Khá	Kế toán		
105	ST1720K027	Nguyễn Thị Lệ Thê	15/09/94	ST1720K1	N	3.12	56	Khá	Kế toán		
106	ST1720K028	Lê Duy Thiên	16/01/93	ST1720K1		2.96	56	Khá	Kế toán		
107	ST1720K029	Võ Anh Thư	19/02/95	ST1720K1	N	3.25	56	Giỏi	Kế toán		
108	ST1720K032	Hồ Thủy Tiên	04/05/92	ST1720K1	N	3.23	56	Giỏi	Kế toán		
109	ST1720K033	Huỳnh Trần Ngọc Trâm	01/01/92	ST1720K1	N	2.30	56	Trung bình	Kế toán		
110	ST1720K035	Trần Quế Trân	01/07/92	ST1720K1	N	2.69	56	Khá	Kế toán		
111	ST1720K038	Dương Thị Thanh Trang	16/09/92	ST1720K1	N	3.27	56	Giỏi	Kế toán		
112	ST1720K040	Nguyễn Thị Cẩm Vân	11/10/90	ST1720K1	N	3.06	56	Khá	Kế toán		
113	ST1720K041	Nhâm Huỳnh Như Ý	27/04/89	ST1720K1	N	3.03	56	Khá	Kế toán		
114	ST1720K044	Cao Thị Minh	16/12/85	ST1720K1	N	2.99	56	Khá	Kế toán		
115	ST1720K045	Nguyễn Ngọc Ngân	19/09/94	ST1720K1	N	3.08	56	Khá	Kế toán		
116	ST1720K047	Trầm Hữu Phúc	25/05/91	ST1720K1		2.97	56	Khá	Kế toán		
117	ST1720K048	Huỳnh Thị Hồng Tươi	10/12/95	ST1720K1	N	2.91	56	Khá	Kế toán		
Ngành học: Kế toán (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (tập trung))											
1	CT1420M502	Nguyễn Huỳnh Thị Xuân Hoa	30/10/95	CT1420M1	N	2.84	140	Khá	Kế toán		
2	CT1420M504	Trần Thị Thu Hương	01/09/95	CT1420M1	N	2.28	140	Trung bình	Kế toán		
3	CT1420M512	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	22/02/96	CT1420M1	N	2.22	140	Trung bình	Kế toán		
4	CT1420M515	Nguyễn Tâm Như	15/02/96	CT1420M1	N	2.74	140	Khá	Kế toán		
5	CT1420M516	Phan Quỳnh Như	00/00/96	CT1420M1	N	2.29	140	Trung bình	Kế toán		
6	CT1420M521	Trần Khánh Tiên	08/06/96	CT1420M1	N	2.15	140	Trung bình	Kế toán		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
7	DC1420M502	Nguyễn Hà Trung Anh	07/08/95	CT1420M1	N	2.06	140	Trung bình	Kế toán		
8	DC1420M503	Từ Ngọc Cẩm Giàu	06/12/95	CT1420M1	N	2.94	140	Khá	Kế toán		
9	DC1420M506	Phạm Thị Hồng Loan	07/12/94	CT1420M1	N	2.09	140	Trung bình	Kế toán		
10	DC1420M513	Huỳnh Thị Kim Phi	23/04/96	CT1420M1	N	2.25	140	Trung bình	Kế toán		
11	DC1420M514	Nguyễn Thị Nhã Phương	09/12/96	CT1420M1	N	2.16	140	Trung bình	Kế toán		
Ngành học: Kế toán (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (bán tập trung))											
1	DC1322M049	Trần Quốc Vinh	30/10/90	DC1420N1		2.85	140	Khá	Kế toán		
2	DC1420M501	Nguyễn Ngọc Minh Anh	23/12/96	DC1420N1	N	2.96	143	Khá	Kế toán		
3	DC1420M512	Trần Thị Minh Nguyệt	06/11/96	DC1420N1	N	2.78	140	Khá	Kế toán		
4	DC1420M518	Nguyễn Thị Ngọc Trang	19/04/95	DC1420N1	N	2.70	140	Khá	Kế toán		
5	DC1420N504	Phan Hữu Bình	10/10/89	DC1420N1		2.89	143	Khá	Kế toán		
6	DC1420N506	Nguyễn Thị Hương	16/07/93	DC1420N1	N	2.58	140	Khá	Kế toán		
7	DC1420N507	Nguyễn Thị Diễm Kiều	06/06/91	DC1420N1	N	2.71	140	Khá	Kế toán		
8	DC1420N508	Tiêu Phan Ngọc Linh	25/12/96	DC1420N1	N	2.52	140	Khá	Kế toán		
9	DC1420N510	Nguyễn Thị Mai	15/09/91	DC1420N1	N	3.25	140	Giỏi	Kế toán		
10	DC1420N511	Nguyễn Nga My	04/07/96	DC1420N1	N	3.06	140	Khá	Kế toán		
11	DC1420N515	Tăng Thị Hoài Thanh	22/02/77	DC1420N1	N	3.06	140	Khá	Kế toán		
12	DC1420N516	Nguyễn Thị Kim Thư	14/11/96	DC1420N1	N	2.56	140	Khá	Kế toán		
13	DC1422N506	Võ Trọng Nguyên	20/11/90	DC1420N1		2.54	140	Khá	Kế toán		
14	DC14X7N502	Nguyễn Trường Kiên	03/10/93	DC1420N1		2.97	140	Khá	Kế toán		
Ngành học: Kế toán (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (chuẩn hóa))											
1	KC1520P501	Trần Tuyết Băng	24/04/89	KC1520P1	N	3.05	104	Khá	Kế toán		
2	KC1520P504	Lưu Trần Thái Châu	08/12/81	KC1520P1		3.09	104	Khá	Kế toán		
3	KC1520P505	Lê Hồng Cúc	20/11/90	KC1520P1	N	2.92	104	Khá	Kế toán		
4	KC1520P508	Nguyễn Thùy Dung	09/02/90	KC1520P1	N	3.03	104	Khá	Kế toán		
5	KC1520P509	Trần Thị Mỹ Dung	25/10/80	KC1520P1	N	2.48	104	Trung bình	Kế toán		
6	KC1520P510	Nguyễn Bích Duyên	04/01/92	KC1520P1	N	2.90	104	Khá	Kế toán		
7	KC1520P512	Huỳnh Văn Đen	16/09/83	KC1520P1		2.45	104	Trung bình	Kế toán		
8	KC1520P515	Quách Đồng Dũng	31/12/84	KC1520P1		2.22	104	Trung bình	Kế toán		
9	KC1520P519	Lê Thủy Hằng	27/12/93	KC1520P1	N	2.79	104	Khá	Kế toán		
10	KC1520P520	Trương Thúy Hằng	22/04/94	KC1520P1	N	2.64	104	Khá	Kế toán		
11	KC1520P521	Võ Thị Kim Hoa	/ /84	KC1520P1	N	2.92	104	Khá	Kế toán		
12	KC1520P522	Phan Thị Hường	19/04/94	KC1520P1	N	3.25	104	Giỏi	Kế toán		
13	KC1520P523	Lê Mai Huyền	15/12/92	KC1520P1	N	2.75	104	Khá	Kế toán		
14	KC1520P529	Nguyễn Oanh Kiều	/ /89	KC1520P1	N	2.68	104	Khá	Kế toán		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
15	KC1520P530	Đỗ Thị Kiều	15/07/86	KC1520P1	N	2.40	104	Trung bình	Kế toán		
16	KC1520P531	Trần Thúy Kiều	20/10/86	KC1520P1	N	2.88	104	Khá	Kế toán		
17	KC1520P534	Ngô Thùy Linh	15/03/87	KC1520P1	N	2.75	104	Khá	Kế toán		
18	KC1520P535	Ngô Trúc Linh	29/12/84	KC1520P1	N	2.84	104	Khá	Kế toán		
19	KC1520P541	Nguyễn Thị Kim Lưỡng	15/05/82	KC1520P1	N	3.64	104	Xuất sắc	Kế toán		
20	KC1520P542	Lê Kiều Ly	15/01/89	KC1520P1	N	2.94	104	Khá	Kế toán		
21	KC1520P543	Nguyễn Hồng Lý	10/09/85	KC1520P1	N	3.10	104	Khá	Kế toán		
22	KC1520P544	Nguyễn Hồng Mơ	11/02/80	KC1520P1	N	2.79	104	Khá	Kế toán		
23	KC1520P545	Dương Diễm My	08/11/93	KC1520P1	N	2.77	104	Khá	Kế toán		
24	KC1520P546	Lê Kiều My	15/12/85	KC1520P1	N	2.66	104	Khá	Kế toán		
25	KC1520P547	Nguyễn Kiều My	16/02/93	KC1520P1	N	2.70	104	Khá	Kế toán		
26	KC1520P548	Nguyễn Thị Ngọc Ngà	13/04/84	KC1520P1	N	2.74	104	Khá	Kế toán		
27	KC1520P549	Dương Vĩnh Nghi	01/01/87	KC1520P1		2.54	104	Khá	Kế toán		
28	KC1520P550	Vũ Hồng Nghi	/ /81	KC1520P1	N	2.79	104	Khá	Kế toán		
29	KC1520P558	Mạc Thảo Như	08/10/84	KC1520P1	N	2.51	104	Khá	Kế toán		
30	KC1520P561	Đoàn Bích Như	25/08/90	KC1520P1	N	2.96	104	Khá	Kế toán		
31	KC1520P562	Lâm Thị Nhung	13/08/93	KC1520P1	N	2.31	104	Trung bình	Kế toán		
32	KC1520P564	Nguyễn Hồng Ny	16/12/90	KC1520P1	N	2.59	104	Khá	Kế toán		
33	KC1520P566	Trương Thanh Phong	22/03/95	KC1520P1		2.85	104	Khá	Kế toán		
34	KC1520P573	Nguyễn Thùy Quyên	06/09/95	KC1520P1	N	2.32	104	Trung bình	Kế toán		
35	KC1520P574	Ngô Đức Quyên	13/08/80	KC1520P1		2.66	104	Khá	Kế toán		
36	KC1520P575	Huỳnh Ngọc Sang	21/03/85	KC1520P1	N	2.50	104	Khá	Kế toán		
37	KC1520P580	Nguyễn Chúc Thị	02/02/90	KC1520P1	N	2.45	104	Trung bình	Kế toán		
38	KC1520P581	Nguyễn Hồng Tho	/ /93	KC1520P1	N	2.41	104	Trung bình	Kế toán		
39	KC1520P582	Võ Kim Thơ	04/08/90	KC1520P1	N	2.66	104	Khá	Kế toán		
40	KC1520P584	Trần Thanh Thoảng	12/10/89	KC1520P1		2.49	104	Trung bình	Kế toán		
41	KC1520P585	Dương Thị Hồng Tia	25/07/88	KC1520P1	N	2.63	104	Khá	Kế toán		
42	KC1520P586	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	10/09/90	KC1520P1	N	2.95	104	Khá	Kế toán		
43	KC1520P589	Lê Văn Tới	19/07/85	KC1520P1		2.61	104	Khá	Kế toán		
44	KC1520P591	Nguyễn Huỳnh Ngọc Trâm	27/05/93	KC1520P1	N	2.51	104	Khá	Kế toán		
45	KC1520P592	Phạm Thị Trang	20/10/94	KC1520P1	N	2.58	104	Khá	Kế toán		
46	KC1520P594	Huỳnh Thị Mỹ Trúc	/ /86	KC1520P1	N	2.59	104	Khá	Kế toán		
47	KC1520P595	Nguyễn Thị Tú	04/11/95	KC1520P1	N	2.59	104	Khá	Kế toán		
48	KC1520P596	Phạm Thanh Tường	20/10/92	KC1520P1		2.45	104	Trung bình	Kế toán		
49	KC1520P598	Tổng Thị Thúy Vy	02/09/94	KC1520P1	N	2.59	104	Khá	Kế toán		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
50	KC1520P599	Lê Thị Cẩm Xuyên	06/10/90	KC1520P1	N	2.95	104	Khá	Kế toán		
Ngành học: Kế toán (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (bảng 2))											
1	DC1620Q002	Trần Mộng Cảnh	03/04/92	DC1620Q1		3.34	70	Giỏi	Kế toán		
2	DC1620Q003	Nguyễn Căn Chánh	13/09/93	DC1620Q1		3.16	70	Khá	Kế toán		
3	DC1620Q004	Đặng Thị Kim Chi	05/06/90	DC1620Q1	N	3.15	76	Khá	Kế toán		
4	DC1620Q005	Phạm Thị Hồng Diễm	04/04/87	DC1620Q1	N	2.74	70	Khá	Kế toán		
5	DC1620Q006	Nguyễn Quang Diệp	10/05/83	DC1620Q1		3.72	70	Xuất sắc	Kế toán		
6	DC1620Q007	Nguyễn Kim Diệu	/ /88	DC1620Q1	N	2.99	70	Khá	Kế toán		
7	DC1620Q008	Nguyễn Thùy Dương	07/12/92	DC1620Q1	N	3.14	70	Khá	Kế toán		
8	DC1620Q015	Phạm Thị Mỹ Hôn	12/10/90	DC1620Q1	N	3.41	70	Giỏi	Kế toán		
9	DC1620Q017	Huỳnh Thị Ánh Hồng	23/11/88	DC1620Q1	N	2.96	70	Khá	Kế toán		
10	DC1620Q021	Biện Thị Lựu	20/11/91	DC1620Q1	N	2.68	76	Khá	Kế toán		
11	DC1620Q022	Trần Thị Luyến	03/02/91	DC1620Q1	N	3.58	76	Giỏi	Kế toán		
12	DC1620Q026	Lê Huỳnh Đông Nghi	16/09/92	DC1620Q1	N	3.34	70	Giỏi	Kế toán		
13	DC1620Q027	Lê Thị Thủy Ngọc	14/04/83	DC1620Q1	N	2.97	70	Khá	Kế toán		
14	DC1620Q033	Huỳnh Thị Kim Phúc	09/05/83	DC1620Q1	N	3.71	70	Xuất sắc	Kế toán		
15	DC1620Q034	Trần Thị Diễm Phúc	20/12/86	DC1620Q1	N	3.64	76	Xuất sắc	Kế toán		
16	DC1620Q035	Huỳnh Ngọc Phụng	12/08/94	DC1620Q1	N	3.48	70	Giỏi	Kế toán		
17	DC1620Q039	Lương Thị Thanh Thắm	12/09/89	DC1620Q1	N	3.06	70	Khá	Kế toán		
18	DC1620Q041	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	09/10/93	DC1620Q1	N	2.85	76	Khá	Kế toán		
19	DC1620Q042	Phạm Thị Hoàng Thơ	21/01/93	DC1620Q1	N	3.44	70	Giỏi	Kế toán		
20	DC1620Q044	Nguyễn Đỗ Anh Thư	02/07/86	DC1620Q1	N	3.18	76	Khá	Kế toán		
21	DC1620Q045	Châu Thị Minh Thư	21/12/94	DC1620Q1	N	3.49	76	Giỏi	Kế toán		
22	DC1620Q050	Nguyễn Thị Minh Trang	/ /83	DC1620Q1	N	3.39	70	Giỏi	Kế toán		
23	DC1620Q053	Trương Thị Thanh Tuyền	01/01/87	DC1620Q1	N	3.10	70	Khá	Kế toán		
24	DC1620Q055	Nguyễn Văn Vĩ	14/11/94	DC1620Q1		2.84	76	Khá	Kế toán		
25	DC1620Q059	Khiếu Thị Vân Anh	23/07/82	DC1620Q1	N	2.55	76	Khá	Kế toán		
26	DC1620Q061	Nguyễn Ái Hữu	01/01/81	DC1620Q1	N	2.79	76	Khá	Kế toán		
27	DC1620Q062	Chung Mỹ Kim	16/03/94	DC1620Q1	N	3.66	76	Xuất sắc	Kế toán		
28	DC1620Q067	Lê Ngọc Trinh	16/09/79	DC1620Q1	N	3.28	70	Giỏi	Kế toán		
Ngành học: Tài chính - Ngân hàng (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (tập trung))											
1	CT1421M501	Nguyễn Thị Kim Anh	20/09/93	CT1421M1	N	2.66	139	Khá	Tài chính - Ngân hàng		
2	CT1421M503	Khuu Gia Hân	24/10/96	CT1421M1	N	2.82	141	Khá	Tài chính - Ngân hàng		
3	CT1421M512	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	15/04/96	CT1421M1	N	3.13	141	Khá	Tài chính - Ngân hàng		
4	CT1421M513	Phạm Thị Mỹ Ngân	16/01/96	CT1421M1	N	2.94	141	Khá	Tài chính - Ngân hàng		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
5	CT1421M519	Huỳnh Thị Phương Thảo	27/10/96	CT1421M1	N	2.87	141	Khá	Tài chính - Ngân hàng		
6	CT1496M506	Lê Hữu Phong	11/04/96	CT1421M1		2.79	141	Khá	Tài chính - Ngân hàng		
Ngành học: Quản trị kinh doanh (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (tập trung))											
1	CT1422M502	Trần Ngọc Điệp	13/01/94	CT1422M1	N	2.37	132	Trung bình	Quản trị kinh doanh		
2	CT1422M513	Nguyễn Thanh Như Ngọc	03/08/95	CT1422M1	N	2.27	140	Trung bình	Quản trị kinh doanh		
3	CT1422M520	Bùi Thị Thiên Trang	12/01/96	CT1422M1	N	2.49	140	Trung bình	Quản trị kinh doanh		
4	CT1422M523	Đặng Thị Hồng Tươi	20/08/96	CT1422M1	N	2.57	140	Khá	Quản trị kinh doanh		
5	DC1420M515	Nguyễn Ngọc Phương Thanh	30/03/96	DC1422M1	N	2.75	140	Khá	Quản trị kinh doanh		
6	DC1422M502	Nguyễn Anh Dũng	01/01/93	DC1422M1		2.28	140	Trung bình	Quản trị kinh doanh		
7	DC1422M507	Nguyễn Trương Khá	22/12/96	DC1422M1		2.09	140	Trung bình	Quản trị kinh doanh		
8	DC1422M514	Phan Thị Hồng Nhi	07/09/95	DC1422M1	N	2.41	140	Trung bình	Quản trị kinh doanh		
9	DC1422M515	Trần Thị Yến Nhi	03/09/95	DC1422M1	N	2.82	140	Khá	Quản trị kinh doanh		
10	DC1422M522	Nguyễn Minh Thảo	01/02/96	DC1422M1	N	2.71	140	Khá	Quản trị kinh doanh		
11	DC1422M527	Nguyễn Huyền Trân	08/12/95	DC1422M1	N	2.82	140	Khá	Quản trị kinh doanh		
12	DC1422M528	Nguyễn Lê Phương Trang	31/07/96	DC1422M1	N	2.51	140	Khá	Quản trị kinh doanh		
13	DC1422M535	Đỗ Yến Nhi	18/02/96	DC1422M1	N	3.11	140	Khá	Quản trị kinh doanh		
14	DC1422M536	Nguyễn Minh Thi	13/05/96	DC1422M1	N	3.16	140	Khá	Quản trị kinh doanh		
15	DC1422M540	Trần Bảo Nhi	10/04/95	DC1422M1		2.45	140	Trung bình	Quản trị kinh doanh		
16	DC1422N511	Hồ Thị Kim Thoa	22/07/93	DC1422M1	N	2.31	140	Trung bình	Quản trị kinh doanh		
17	DC1462M505	Cao Nguyên Hân	11/01/96	DC1422M1		2.46	140	Trung bình	Quản trị kinh doanh		

Tổng số danh sách: **252** sinh viên

Lập biểu

Trưởng Khoa Kinh tế

Ngày 14 tháng 03 năm 2019
Giám đốc TT Liên kết Đào Tạo

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2
Kèm theo quyết định số _____/QĐ-ĐHCT - Ký ngày _____
Học kỳ 2 - Năm học 2018-2019

Đơn vị: Khoa Luật

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
Ngành học: Luật (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học)											
1	CD1632H001	Nguyễn Thanh Bằng	04/11/83	CD1632H1		2.47	99	Trung bình	Luật		
2	CD1632H003	Hồ Thị Lan Chi	03/02/87	CD1632H1	N	2.77	99	Khá	Luật		
3	CD1632H005	Trần Chí Công	04/10/86	CD1632H1		2.45	99	Trung bình	Luật		
4	CD1632H008	Huỳnh Minh Dũng	11/09/83	CD1632H1		2.92	99	Khá	Luật		
5	CD1632H010	Nguyễn Quốc Đạt	05/01/79	CD1632H1		2.57	99	Khá	Luật		
6	CD1632H014	Nguyễn Thị Ngọc Hân	15/06/89	CD1632H1	N	2.43	99	Trung bình	Luật		
7	CD1632H016	Nguyễn Thị Hằng	15/03/87	CD1632H1	N	2.40	99	Trung bình	Luật		
8	CD1632H017	Đoàn Thúy Hằng	24/10/89	CD1632H1	N	2.45	99	Trung bình	Luật		
9	CD1632H020	Lê Ngọc Hiếu	10/01/83	CD1632H1	N	2.83	99	Khá	Luật		
10	CD1632H021	Lê Phước Hiếu	02/10/90	CD1632H1		2.76	99	Khá	Luật		
11	CD1632H022	Phạm Văn Hiếu	19/06/88	CD1632H1		2.37	99	Trung bình	Luật		
12	CD1632H023	Nguyễn Lê Hồng	07/09/88	CD1632H1	N	2.59	99	Khá	Luật		
13	CD1632H024	Nguyễn Hoàng Hưng	22/11/67	CD1632H1		2.55	99	Khá	Luật		
14	CD1632H027	Nguyễn Thành Khang	/ /86	CD1632H1		2.58	99	Khá	Luật		
15	CD1632H029	Huỳnh Bảo Khương	23/02/79	CD1632H1		2.69	99	Khá	Luật		
16	CD1632H034	Ngô Thị Luối	/ /90	CD1632H1	N	2.42	99	Trung bình	Luật		
17	CD1632H037	Ngô Thị Mai	24/09/85	CD1632H1	N	2.62	99	Khá	Luật		
18	CD1632H039	Trương A Mục	19/08/90	CD1632H1		2.47	99	Trung bình	Luật		
19	CD1632H042	Nguyễn Thanh Nhã	03/04/90	CD1632H1		2.71	99	Khá	Luật		
20	CD1632H043	Hồ Thanh Nhân	12/04/90	CD1632H1		2.49	99	Trung bình	Luật		
21	CD1632H045	Phan Văn Nho	07/02/83	CD1632H1		2.48	99	Trung bình	Luật		
22	CD1632H052	Võ Hồng Thắm	11/08/87	CD1632H1	N	2.76	99	Khá	Luật		
23	CD1632H056	Nguyễn Bá Thìn	/ /76	CD1632H1		2.75	99	Khá	Luật		
24	CD1632H061	Nguyễn Phạm Thủy Tiên	02/09/92	CD1632H1	N	2.74	99	Khá	Luật		
25	CD1632H063	Đặng Trường Trung Tín	26/10/82	CD1632H1		2.47	99	Trung bình	Luật		
26	CD1632H065	Võ Thanh Toàn	29/03/90	CD1632H1		2.35	99	Trung bình	Luật		
27	CD1632H066	Trần Thị Ngọc Trân	26/07/82	CD1632H1	N	2.76	99	Khá	Luật		
28	CD1632H068	Cao Phước Trí	06/10/87	CD1632H1		2.32	99	Trung bình	Luật		
29	CD1632H069	Nguyễn Minh Trí	20/04/92	CD1632H1		2.44	99	Trung bình	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
30	CD1632H078	Trịnh Thủy Vân	13/09/89	CD1632H1	N	2.87	99	Khá	Luật		
31	CD1632H079	Nguyễn Thị Tường Vi	10/03/88	CD1632H1	N	2.40	99	Trung bình	Luật		
32	CD1632H081	Trần Quang Vinh	02/01/91	CD1632H1		2.86	99	Khá	Luật		
33	CD1632H085	Nguyễn Thị Thanh Hoa	30/04/83	CD1632H1	N	2.48	99	Trung bình	Luật		
34	CD1632H090	Lê Hoàng Khang	26/07/93	CD1632H1		2.49	99	Trung bình	Luật		
35	DG1632H002	Đàng Năng Anh	21/04/91	DG1632H1		2.39	99	Trung bình	Luật		
36	DG1632H003	Châu Xuân Bách	09/07/90	DG1632H1		2.44	99	Trung bình	Luật		
37	DG1632H006	Huỳnh Văn Đạt	08/03/90	DG1632H1		3.17	99	Khá	Luật		
38	DG1632H007	Nguyễn Thị Đây	23/03/84	DG1632H1	N	2.93	99	Khá	Luật		
39	DG1632H010	Lê Thị Thu Hân	28/10/86	DG1632H1	N	2.69	99	Khá	Luật		
40	DG1632H011	Trần Thị Thu Hằng	28/06/82	DG1632H1	N	2.86	99	Khá	Luật		
41	DG1632H013	Lê Ngọc Hây	03/12/93	DG1632H1	N	2.78	99	Khá	Luật		
42	DG1632H014	Đoàn Hiệp Hòa	06/09/86	DG1632H1		2.77	99	Khá	Luật		
43	DG1632H015	Trần Thanh Hoài	28/02/86	DG1632H1		2.60	99	Khá	Luật		
44	DG1632H017	Lương Nhật Huy	06/07/92	DG1632H1		2.90	99	Khá	Luật		
45	DG1632H019	Nguyễn Trần Xuân Huyền	16/09/84	DG1632H1	N	2.42	99	Trung bình	Luật		
46	DG1632H026	Nguyễn Thị Ngọc Lan	26/05/82	DG1632H1	N	2.86	99	Khá	Luật		
47	DG1632H027	Phạm Thị Dạ Lan	17/04/85	DG1632H1	N	2.91	99	Khá	Luật		
48	DG1632H031	Trần Thị Mỹ Linh	25/12/87	DG1632H1	N	2.60	99	Khá	Luật		
49	DG1632H036	Trần Hoàng Nam	03/08/88	DG1632H1		2.59	99	Khá	Luật		
50	DG1632H037	Lưu Nguyễn Thùy Ngân	26/03/91	DG1632H1	N	2.72	99	Khá	Luật		
51	DG1632H038	Lê Thị Bảo Ngọc	09/10/92	DG1632H1	N	2.69	99	Khá	Luật		
52	DG1632H039	Nguyễn Thị Ngọc	19/07/84	DG1632H1	N	2.70	99	Khá	Luật		
53	DG1632H042	Lưu Thị Tú Oanh	11/10/89	DG1632H1	N	2.65	99	Khá	Luật		
54	DG1632H043	Cao Hoàng Ôn	03/02/60	DG1632H1		2.56	99	Khá	Luật		
55	DG1632H044	Võ Thị Mỹ Phẩm	11/12/88	DG1632H1	N	2.81	99	Khá	Luật		
56	DG1632H045	Huỳnh Văn Phơ	01/08/84	DG1632H1		2.54	99	Khá	Luật		
57	DG1632H050	Nguyễn Thị Rin	12/04/88	DG1632H1	N	2.79	99	Khá	Luật		
58	DG1632H054	Dương Minh Tài	15/01/83	DG1632H1		2.70	99	Khá	Luật		
59	DG1632H057	Đặng Thị Hồng Thắm	20/12/90	DG1632H1	N	3.28	99	Giỏi	Luật		
60	DG1632H060	Đoàn Minh Thành	/ /89	DG1632H1		2.86	99	Khá	Luật		
61	DG1632H061	Lê Phương Thảo	20/08/88	DG1632H1	N	2.88	99	Khá	Luật		
62	DG1632H062	Phạm Thị Phương Thảo	19/01/91	DG1632H1	N	2.75	99	Khá	Luật		
63	DG1632H063	Trần Ngọc Thiện	19/01/91	DG1632H1		2.92	99	Khá	Luật		
64	DG1632H064	Nguyễn Thị Xuân Thủy	/ /77	DG1632H1	N	2.78	99	Khá	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
65	DG1632H065	Dương Ngọc Thùy Trang	08/05/83	DG1632H1	N	2.77	99	Khá	Luật		
66	DG1632H067	Võ Thị Huyền Trang	/ /89	DG1632H1	N	2.65	99	Khá	Luật		
67	DG1632H073	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	08/07/86	DG1632H1	N	2.57	99	Khá	Luật		
68	DG1632H074	Nguyễn Đoàn Thanh Tuyết	21/10/77	DG1632H1	N	2.57	99	Khá	Luật		
69	DG1632H076	Nguyễn Hoàng Thanh Vũ	30/03/82	DG1632H1		2.28	99	Trung bình	Luật		
70	DG1632H078	Nguyễn Thị Hồng Yến	07/03/88	DG1632H1	N	2.18	99	Trung bình	Luật		
71	DG1632H079	Nguyễn Duy Càn	20/10/81	DG1632H1		2.67	99	Khá	Luật		
72	DG1632H080	Đỗ Thành Đạt	22/12/93	DG1632H1		2.77	99	Khá	Luật		
73	DG1632H081	Tạ Công Đức	08/05/75	DG1632H1		2.52	99	Khá	Luật		
74	DG1632H085	Nguyễn Thị Hồng Liên	06/10/91	DG1632H1	N	2.73	99	Khá	Luật		
75	DG1632H089	Đặng Thanh Như	02/02/83	DG1632H1	N	2.44	99	Trung bình	Luật		
76	ST1632H001	Phạm Thị Thúy An	17/11/89	ST1632H1	N	2.38	99	Trung bình	Luật		
77	ST1632H002	Nguyễn Đình Bảo	25/10/74	ST1632H1		2.79	99	Khá	Luật		
78	ST1632H004	Lý Thị Ngọc Diễm	13/08/89	ST1632H1	N	2.73	99	Khá	Luật		
79	ST1632H005	Trần Thị Ngọc Dung	23/10/88	ST1632H1	N	2.44	99	Trung bình	Luật		
80	ST1632H014	Nguyễn Minh Hòn	20/11/88	ST1632H1		2.59	99	Khá	Luật		
81	ST1632H017	Nguyễn Thanh Liêm	03/10/71	ST1632H1		2.96	99	Khá	Luật		
82	ST1632H019	Nguyễn Thùy Linh	15/08/88	ST1632H1	N	2.55	99	Khá	Luật		
83	ST1632H022	Nguyễn Thị Màu	01/02/88	ST1632H1	N	2.14	99	Trung bình	Luật		
84	ST1632H025	Lưu Thị Cẩm Ngoan	16/06/92	ST1632H1	N	2.79	99	Khá	Luật		
85	ST1632H030	Đặng Duy Phương	05/03/92	ST1632H1		2.53	99	Khá	Luật		
86	ST1632H037	Nguyễn Thị Anh Thư	20/10/82	ST1632H1	N	2.53	99	Khá	Luật		
87	ST1632H039	Trần Thị Thanh Thúy	/ /89	ST1632H1	N	2.96	99	Khá	Luật		
88	ST1632H040	Nguyễn Đặng Phương Tín	31/12/88	ST1632H1		2.47	99	Trung bình	Luật		
89	ST1632H041	Quách Ngọc Bảo Trân	23/07/92	ST1632H1	N	2.94	99	Khá	Luật		
90	ST1632H042	Lưu Bảo Trang	26/03/88	ST1632H1	N	2.55	99	Khá	Luật		
91	ST1632H046	Lý Văn Trường	10/03/79	ST1632H1		2.61	99	Khá	Luật		
92	ST1632H051	Lê Thị Thúy Vi	09/09/87	ST1632H1	N	2.64	99	Khá	Luật		
93	ST1632H053	Trần Văn Hào	/ /75	ST1632H1		2.45	99	Trung bình	Luật		
94	ST1632H056	Phan Thị Hồng Thảo	/ /82	ST1632H1	N	2.57	99	Khá	Luật		
Ngành học: Luật (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (tập trung))											
1	CB1432M503	Trần Minh Chấn	15/10/93	CB1432M1		2.03	139	Trung bình	Luật		
2	CB1432M505	Dương Bé Diện	01/01/92	CB1432M1		2.85	139	Khá	Luật		
3	CB1432M508	Nguyễn Thị Cẩm Dung	15/02/96	CB1432M1	N	2.33	139	Trung bình	Luật		
4	CB1432M510	Lương Minh Đầm	12/10/89	CB1432M1		2.07	139	Trung bình	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
5	CB1432M511	Nguyễn Vũ Đăng	10/09/95	CB1432M1		2.20	139	Trung bình	Luật		
6	CB1432M517	Phạm Ngọc Hân	06/06/96	CB1432M1	N	2.06	139	Trung bình	Luật		
7	CB1432M530	Trần Thị Huỳnh Lê	15/10/95	CB1432M1	N	2.10	139	Trung bình	Luật		
8	CB1432M536	Giang Vũ Linh	25/12/95	CB1432M1		2.17	139	Trung bình	Luật		
9	CB1432M537	Nguyễn Thị Mỹ Linh	02/05/96	CB1432M1	N	2.15	139	Trung bình	Luật		
10	CB1432M543	Nguyễn Thị Dạ My	19/09/96	CB1432M1	N	2.38	139	Trung bình	Luật		
11	CB1432M548	Nguyễn Thị Hải Nghi	25/05/96	CB1432M1	N	2.14	139	Trung bình	Luật		
12	CB1432M549	Nguyễn Thảo Nguyên	28/07/95	CB1432M1	N	2.11	139	Trung bình	Luật		
13	CB1432M551	Nguyễn Thị Tố Nhi	09/05/96	CB1432M1	N	2.26	139	Trung bình	Luật		
14	CB1432M552	Dương Yến Nhi	25/10/96	CB1432M1	N	2.27	139	Trung bình	Luật		
15	CB1432M554	Phan Huỳnh Như	09/11/96	CB1432M1	N	2.00	139	Trung bình	Luật		
16	CB1432M555	Nguyễn Quỳnh Như	19/01/95	CB1432M1	N	2.39	139	Trung bình	Luật		
17	CB1432M556	Đặng Thị Huỳnh Như	01/01/96	CB1432M1	N	2.13	139	Trung bình	Luật		
18	CB1432M557	Phạm Thị Hồng Nhung	04/03/96	CB1432M1	N	2.01	139	Trung bình	Luật		
19	CB1432M561	Huỳnh Ba Phiên	/ /86	CB1432M1		2.39	139	Trung bình	Luật		
20	CB1432M563	Nguyễn Phạm Nhật Quang	02/07/92	CB1432M1		2.27	139	Trung bình	Luật		
21	CB1432M565	Trần Văn Quý	/ /84	CB1432M1		2.50	139	Khá	Luật		
22	CB1432M570	Nguyễn Duy Thanh	20/10/88	CB1432M1		2.36	139	Trung bình	Luật		
23	CB1432M571	Trần Thành Thật	01/01/96	CB1432M1		2.28	139	Trung bình	Luật		
24	CB1432M573	Lê Nguyễn Hồng Thu	19/05/96	CB1432M1	N	2.11	139	Trung bình	Luật		
25	CB1432M575	Nguyễn Hoài Thu	15/06/94	CB1432M1	N	2.47	139	Trung bình	Luật		
26	CB1432M576	Ngô Hoài Thương	16/02/95	CB1432M1	N	2.43	139	Trung bình	Luật		
27	CB1432M584	Nguyễn Quốc Toàn	21/08/96	CB1432M1		2.18	139	Trung bình	Luật		
28	CB1432M585	Lê Thị Trâm	08/02/94	CB1432M1	N	2.16	139	Trung bình	Luật		
29	CB1432M590	Tăng Trí Trung	30/02/92	CB1432M1		2.22	139	Trung bình	Luật		
30	CB1432M591	Nguyễn Thanh Trường	26/02/77	CB1432M1		2.05	139	Trung bình	Luật		
31	CB1432M594	Đặng Thị Cẩm Vi	16/04/95	CB1432M1	N	2.23	139	Trung bình	Luật		
32	CB1432M597	Nguyễn Hoàng Yến	22/06/96	CB1432M1	N	2.14	139	Trung bình	Luật		
33	CT1432M506	Huỳnh Thiên Bằng	08/08/96	CT1432M2		2.10	139	Trung bình	Luật		
34	CT1432M510	Nguyễn Văn Càn	/ /81	CT1432M2		2.33	139	Trung bình	Luật		
35	CT1432M523	Lê Huỳnh Đức	24/08/95	CT1432M2		2.52	139	Khá	Luật		
36	CT1432M524	Nguyễn Đức	09/03/93	CT1432M2		2.16	143	Trung bình	Luật		
37	CT1432M526	Mạc Tấn Được	25/04/96	CT1432M2		2.22	139	Trung bình	Luật		
38	CT1432M528	Trần Thị Thu Hà	21/07/96	CT1432M2	N	2.28	139	Trung bình	Luật		
39	CT1432M541	Lê Nguyên Khải	06/09/96	CT1432M2		2.03	139	Trung bình	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
40	CT1432M542	Hà Quốc Khánh	12/04/96	CT1432M2		2.02	147	Trung bình	Luật		
41	CT1432M545	Nguyễn Thị Thu Lan	21/09/96	CT1432M2	N	2.03	139	Trung bình	Luật		
42	CT1432M559	Bành Thị Diễm My	09/08/95	CT1432M2	N	2.03	139	Trung bình	Luật		
43	CT1432M560	Nguyễn Thị Nhu Mỹ	28/01/96	CT1432M2	N	2.23	139	Trung bình	Luật		
44	CT1432M567	Đồng Quang Nghi	/ /83	CT1432M2		2.23	139	Trung bình	Luật		
45	CT1432M568	Nguyễn Thị Bảo Nghi	20/10/96	CT1432M2	N	2.05	139	Trung bình	Luật		
46	CT1432M572	Phạm Như Nguyệt	12/10/96	CT1432M2	N	2.41	139	Trung bình	Luật		
47	CT1432M574	Huỳnh Thanh Nhã	10/02/96	CT1432M2		2.08	139	Trung bình	Luật		
48	CT1432M585	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	16/09/96	CT1432M2	N	2.11	139	Trung bình	Luật		
49	CT1432M586	Nguyễn Tấn Phát	01/01/92	CT1432M2		2.15	139	Trung bình	Luật		
50	CT1432M590	Đỗ Huy Phúc	03/12/83	CT1432M2		2.05	139	Trung bình	Luật		
51	CT1432M593	Dương Như Quí	07/09/96	CT1432M2	N	2.00	139	Trung bình	Luật		
52	CT1432M597	Trần Minh Sơn	07/10/81	CT1432M2		2.00	139	Trung bình	Luật		
53	CT1432M602	Lý Quang Tâm	20/08/96	CT1432M2		2.12	139	Trung bình	Luật		
54	CT1432M603	Hồ Hoàng Tân	01/03/95	CT1432M2		2.31	139	Trung bình	Luật		
55	CT1432M605	Nguyễn Thị Hồng Thắm	15/09/96	CT1432M2	N	2.13	138	Trung bình	Luật		
56	CT1432M612	Nguyễn Thanh Thảo	26/04/96	CT1432M2	N	2.05	139	Trung bình	Luật		
57	CT1432M628	Bùi Thị Kiều Trang	18/01/96	CT1432M2	N	2.35	139	Trung bình	Luật		
58	CT1432M630	Phan Thị Thảo Trang	16/10/94	CT1432M2	N	2.03	139	Trung bình	Luật		
59	CT1432M638	Trần Thị Kiều Trinh	16/02/96	CT1432M2	N	2.00	139	Trung bình	Luật		
60	CT1432M645	Phan Quốc Văn	06/06/92	CT1432M2		2.00	139	Trung bình	Luật		
61	CT1432N542	Phạm Văn Thống	/ /85	CT1432M2		2.01	139	Trung bình	Luật		
62	DC1432M505	Đặng Nguyễn Kim Anh	24/10/96	DC1432M1	N	2.48	139	Trung bình	Luật		
63	DC1432M506	Lê Thị Thúy Anh	01/01/95	DC1432M1	N	2.57	139	Khá	Luật		
64	DC1432M507	Dương Thị Ngọc Ánh	01/01/96	DC1432M1	N	2.03	139	Trung bình	Luật		
65	DC1432M509	Nguyễn Ngọc Bảo	09/03/95	DC1432M1	N	2.76	139	Khá	Luật		
66	DC1432M510	Lê Quốc Bình	12/11/95	DC1432M1		2.42	139	Trung bình	Luật		
67	DC1432M522	Huỳnh Thị Hồng Gấm	29/10/96	DC1432M1	N	2.47	139	Trung bình	Luật		
68	DC1432M525	Nguyễn Ngọc Hân	15/06/96	DC1432M1	N	2.39	139	Trung bình	Luật		
69	DC1432M526	Phạm Thị Hằng	06/04/96	DC1432M1	N	2.69	139	Khá	Luật		
70	DC1432M532	Lê Văn Hùng	22/12/94	DC1432M1		2.16	139	Trung bình	Luật		
71	DC1432M533	Diệp Thanh Hưng	18/05/95	DC1432M1		2.07	139	Trung bình	Luật		
72	DC1432M535	Thái Trần Thanh Huy	19/09/95	DC1432M1		2.09	139	Trung bình	Luật		
73	DC1432M538	Trang Hoàng Khang	/ /96	DC1432M1		2.74	139	Khá	Luật		
74	DC1432M546	Cang Nguyễn Ái Long	10/03/95	DC1432M1	N	2.27	139	Trung bình	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
75	DC1432M547	Trần Thảo Ly	02/07/96	DC1432M1	N	2.26	139	Trung bình	Luật		
76	DC1432M550	Nguyễn Thị Phương Nghi	02/05/95	DC1432M1	N	2.70	139	Khá	Luật		
77	DC1432M552	Vân Thị Yến Ngọc	18/09/95	DC1432M1	N	2.13	139	Trung bình	Luật		
78	DC1432M553	Phạm Tiểu Ngọc	15/03/95	DC1432M1	N	2.36	139	Trung bình	Luật		
79	DC1432M554	Lê Trần Bảo Ngọc	09/06/96	DC1432M1	N	2.30	139	Trung bình	Luật		
80	DC1432M558	Lê Ngọc Nhi	20/07/94	DC1432M1	N	2.39	139	Trung bình	Luật		
81	DC1432M560	Trần Thị Yến Nhi	01/01/93	DC1432M1	N	2.40	139	Trung bình	Luật		
82	DC1432M562	Nguyễn Huỳnh Như	29/10/93	DC1432M1	N	2.28	139	Trung bình	Luật		
83	DC1432M563	Nguyễn Yến Như	27/03/94	DC1432M1	N	2.83	139	Khá	Luật		
84	DC1432M568	Nguyễn Võ Ngọc Phương	13/08/96	DC1432M1	N	2.52	139	Khá	Luật		
85	DC1432M569	Đặng Hoài Phương	29/06/95	DC1432M1		2.61	139	Khá	Luật		
86	DC1432M570	Nguyễn Thị Thanh Phương	28/02/96	DC1432M1	N	2.17	139	Trung bình	Luật		
87	DC1432M573	Hà Khắc Quy	25/06/94	DC1432M1		2.60	139	Khá	Luật		
88	DC1432M574	Trần Thị Lệ Quyên	20/01/95	DC1432M1	N	2.01	139	Trung bình	Luật		
89	DC1432M576	Nguyễn Minh Sáng	28/07/93	DC1432M1		2.49	139	Trung bình	Luật		
90	DC1432M578	Mai Tiến Sỹ	30/06/94	DC1432M1		2.37	139	Trung bình	Luật		
91	DC1432M582	Ngô Phước Thạch	12/01/91	DC1432M1		2.38	139	Trung bình	Luật		
92	DC1432M587	Nguyễn Hiếu Thanh	11/04/96	DC1432M1		2.23	139	Trung bình	Luật		
93	DC1432M589	Lê Thanh Thề	03/08/94	DC1432M1		2.38	139	Trung bình	Luật		
94	DC1432M594	Phan Minh Tiến	25/02/94	DC1432M1		2.10	139	Trung bình	Luật		
95	DC1432M600	Nguyễn Phương Trinh	05/02/96	DC1432M1	N	2.21	139	Trung bình	Luật		
96	DC1432M601	Đặng Ngọc Trúc	21/05/96	DC1432M1	N	2.23	139	Trung bình	Luật		
97	DC1432M606	Phạm Đoàn Thúy Vy	11/12/96	DC1432M1	N	2.30	139	Trung bình	Luật		
98	DC1432M607	Nhan Thị Mỹ Xuyên	20/06/96	DC1432M1	N	2.32	139	Trung bình	Luật		
99	DC1432M608	Nguyễn Kim Y	08/03/93	DC1432M1	N	2.51	139	Khá	Luật		
100	DC1432M609	Nguyễn Thị Kim Ý	21/08/96	DC1432M1	N	2.30	139	Trung bình	Luật		
101	DC1432N521	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	23/11/96	DC1432M1	N	2.08	139	Trung bình	Luật		
102	DC1432N543	Lê Nhật Trường	01/05/95	DC1432M1		2.19	139	Trung bình	Luật		
103	DG1432M500	Trần Phạm Diễm Ái	20/11/84	DG1432M1	N	2.42	139	Trung bình	Luật		
104	DG1432M501	Nguyễn Hoàng Anh	27/12/85	DG1432M1		2.40	139	Trung bình	Luật		
105	DG1432M502	Võ Văn Bon	/ /82	DG1432M1		2.61	139	Khá	Luật		
106	DG1432M504	Đặng Văn Cẩm	07/05/70	DG1432M1		2.46	139	Trung bình	Luật		
107	DG1432M505	Nguyễn Văn Cho	16/11/81	DG1432M1		2.48	139	Trung bình	Luật		
108	DG1432M506	Lê Minh Cương	/ /88	DG1432M1		2.41	139	Trung bình	Luật		
109	DG1432M507	Lê Quốc Cường	18/11/87	DG1432M1		2.75	139	Khá	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
110	DG1432M508	Võ Văn Cường	/ /76	DG1432M1		2.31	139	Trung bình	Luật		
111	DG1432M511	Huỳnh Thanh Dũng	/ /70	DG1432M1		2.57	139	Khá	Luật		
112	DG1432M512	Nguyễn Hoàng Dũng	24/09/84	DG1432M1		2.69	139	Khá	Luật		
113	DG1432M513	Nguyễn Bá Dương	14/04/65	DG1432M1		2.28	139	Trung bình	Luật		
114	DG1432M517	Phan Văn Đua	/ /83	DG1432M1		2.54	139	Khá	Luật		
115	DG1432M518	Huỳnh Thị Cẩm Giang	12/06/89	DG1432M1	N	2.45	139	Trung bình	Luật		
116	DG1432M519	Trần Trường Giang	27/11/86	DG1432M1		2.62	139	Khá	Luật		
117	DG1432M521	Cao Thị Thuý Hằng	10/07/85	DG1432M1	N	2.52	139	Khá	Luật		
118	DG1432M523	Phạm Thị Ngọc Hạnh	30/11/81	DG1432M1	N	2.48	139	Trung bình	Luật		
119	DG1432M524	Nguyễn Ngọc Hậu	15/11/72	DG1432M1		2.53	139	Khá	Luật		
120	DG1432M526	Nguyễn Thanh Hiếu	05/12/84	DG1432M1		2.51	139	Khá	Luật		
121	DG1432M527	Nguyễn Thành Hiếu	29/07/78	DG1432M1		2.49	139	Trung bình	Luật		
122	DG1432M529	Nguyễn Sơn Hoàng	26/08/82	DG1432M1		2.73	139	Khá	Luật		
123	DG1432M530	Nguyễn Văn Hoàng	19/05/79	DG1432M1		2.53	139	Khá	Luật		
124	DG1432M531	Bùi Thị Cẩm Hồng	24/06/85	DG1432M1	N	2.51	139	Khá	Luật		
125	DG1432M532	Nguyễn Thị Thu Hồng	12/09/81	DG1432M1	N	2.50	139	Khá	Luật		
126	DG1432M534	Nguyễn Văn Hứa	04/08/76	DG1432M1		2.17	139	Trung bình	Luật		
127	DG1432M536	Nguyễn Văn Huệ	19/10/65	DG1432M1		2.17	139	Trung bình	Luật		
128	DG1432M537	Nguyễn Thanh Hùng	/ /66	DG1432M1		2.27	139	Trung bình	Luật		
129	DG1432M540	Cao Văn Khanh	/ /85	DG1432M1		2.63	139	Khá	Luật		
130	DG1432M542	Trương Thanh Kiều	22/04/77	DG1432M1	N	2.70	139	Khá	Luật		
131	DG1432M543	Nguyễn Văn Lê	/ /69	DG1432M1		2.57	139	Khá	Luật		
132	DG1432M545	Nguyễn Thị Thuý Liễu	22/11/89	DG1432M1	N	2.53	139	Khá	Luật		
133	DG1432M546	Trần Lê Phương Linh	15/07/89	DG1432M1	N	2.43	139	Trung bình	Luật		
134	DG1432M547	Trần Thị Thuý Linh	17/07/88	DG1432M1	N	2.60	139	Khá	Luật		
135	DG1432M548	Nguyễn Phước Lộc	12/05/72	DG1432M1		2.51	139	Khá	Luật		
136	DG1432M549	Võ Ngọc Lợi	20/06/68	DG1432M1	N	2.52	139	Khá	Luật		
137	DG1432M552	Nguyễn Văn Lưu	04/05/75	DG1432M1		2.09	139	Trung bình	Luật		
138	DG1432M555	Trần Văn Minh	27/11/85	DG1432M1		2.37	139	Trung bình	Luật		
139	DG1432M556	Trần Hữu Nghĩa	18/10/79	DG1432M1		2.25	139	Trung bình	Luật		
140	DG1432M558	Nguyễn Văn Nhuận	/ /65	DG1432M1		2.21	139	Trung bình	Luật		
141	DG1432M560	Đào Thị Kim Nương	26/01/85	DG1432M1	N	2.23	139	Trung bình	Luật		
142	DG1432M561	Nguyễn Văn Phận	22/07/67	DG1432M1		2.30	139	Trung bình	Luật		
143	DG1432M562	Võ Tấn Phi	07/04/88	DG1432M1		2.17	139	Trung bình	Luật		
144	DG1432M565	Nguyễn Hà Diễm Phương	08/11/89	DG1432M1	N	2.77	141	Khá	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
145	DG1432M567	Nguyễn Thị Kim Phương	09/06/85	DG1432M1	N	2.90	139	Khá	Luật		
146	DG1432M568	Trần Minh Phương	19/11/86	DG1432M1		2.74	139	Khá	Luật		
147	DG1432M569	Trương Thị Kim Phượng	/ /84	DG1432M1	N	2.40	139	Trung bình	Luật		
148	DG1432M571	Nguyễn Hồng Quân	25/12/64	DG1432M1		2.44	139	Trung bình	Luật		
149	DG1432M573	Ngô Thị Kim Quyên	27/03/90	DG1432M1	N	2.57	139	Khá	Luật		
150	DG1432M574	Phạm Thị Thuý Quyên	12/11/84	DG1432M1	N	2.46	139	Trung bình	Luật		
151	DG1432M575	Lê Văn Ra	/ /69	DG1432M1		2.07	139	Trung bình	Luật		
152	DG1432M577	Lê Thị Bé Sáu	05/01/82	DG1432M1	N	2.74	139	Khá	Luật		
153	DG1432M578	Lê Quốc Sơn	17/10/89	DG1432M1		2.25	139	Trung bình	Luật		
154	DG1432M582	Nguyễn Hữu Tài	/ /86	DG1432M1		2.70	139	Khá	Luật		
155	DG1432M583	Nguyễn Tấn Hữu Tài	23/03/86	DG1432M1		2.56	139	Khá	Luật		
156	DG1432M584	Nguyễn Chí Tâm	15/03/83	DG1432M1		2.66	139	Khá	Luật		
157	DG1432M585	Lê Hữu Thanh	10/05/81	DG1432M1		2.63	139	Khá	Luật		
158	DG1432M586	Nguyễn Ngọc Thanh	02/12/68	DG1432M1		2.50	139	Khá	Luật		
159	DG1432M587	Võ Ngọc Thanh	29/04/87	DG1432M1		2.33	139	Trung bình	Luật		
160	DG1432M588	Đỗ Nhật Thành	10/03/85	DG1432M1		2.30	139	Trung bình	Luật		
161	DG1432M589	Lê Thị Phương Thảo	25/10/89	DG1432M1	N	2.77	139	Khá	Luật		
162	DG1432M590	Nguyễn Nhật Thảo	18/07/92	DG1432M1	N	2.72	138	Khá	Luật		
163	DG1432M591	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/01/84	DG1432M1	N	2.52	139	Khá	Luật		
164	DG1432M592	Nguyễn Văn Thi	01/09/75	DG1432M1		2.44	139	Trung bình	Luật		
165	DG1432M593	Trần Thị Võ Thi	20/12/92	DG1432M1	N	2.57	139	Khá	Luật		
166	DG1432M594	Đỗ Thị Kim Thoa	02/10/86	DG1432M1	N	2.70	139	Khá	Luật		
167	DG1432M595	Nguyễn Phi Thông	04/05/91	DG1432M1		2.47	139	Trung bình	Luật		
168	DG1432M596	Phạm Huy Thông	05/11/94	DG1432M1		2.43	139	Trung bình	Luật		
169	DG1432M597	Đỗ Thị Diễm Thuý	28/05/95	DG1432M1	N	2.60	139	Khá	Luật		
170	DG1432M598	Bùi Âu Thuận Tiên	01/01/90	DG1432M1	N	2.97	138	Khá	Luật		
171	DG1432M599	Nguyễn Văn Toàn	/ /79	DG1432M1		2.59	139	Khá	Luật		
172	DG1432M601	Trần Thanh Tòng	10/07/86	DG1432M1		2.30	139	Trung bình	Luật		
173	DG1432M602	Nguyễn Tấn Trãi	16/07/83	DG1432M1		2.29	139	Trung bình	Luật		
174	DG1432M604	Lê Ngọc Yến Trinh	01/02/81	DG1432M1	N	2.61	139	Khá	Luật		
175	DG1432M607	Trần Huỳnh Vĩnh Trung	10/07/85	DG1432M1		2.22	139	Trung bình	Luật		
176	DG1432M608	Lê Thị Bích Truyền	05/12/81	DG1432M1	N	2.42	139	Trung bình	Luật		
177	DG1432M610	Đoàn Thanh Tuấn	04/05/68	DG1432M1		2.30	139	Trung bình	Luật		
178	DG1432M612	Nguyễn Thị Kim Tuyền	22/06/90	DG1432M1	N	2.66	138	Khá	Luật		
179	DG1432M613	Lê Thị Tuyết Vân	07/07/89	DG1432M1	N	2.58	139	Khá	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 9

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
180	DG1432M614	Lê Hoàng Việt	20/12/86	DG1432M1		2.27	139	Trung bình	Luật		
181	DG1432M615	Nguyễn Văn Việt	10/11/74	DG1432M1		2.22	139	Trung bình	Luật		
182	DG1432M616	Trần Hữu Vinh	29/06/76	DG1432M1		2.40	139	Trung bình	Luật		
183	DG1432M617	Nguyễn Thanh Vũ	25/10/73	DG1432M1		2.37	139	Trung bình	Luật		
184	KG1432M503	Trương Mỹ Anh	15/11/95	KG1432M1	N	2.27	139	Trung bình	Luật		
185	KG1432M509	Lâm Quốc Chiêu	12/01/96	KG1432M1		2.23	139	Trung bình	Luật		
186	KG1432M511	Mai Văn Cường	18/04/80	KG1432M1		2.04	139	Trung bình	Luật		
187	KG1432M512	Trần Ngọc Dàng	/ /82	KG1432M1		2.12	139	Trung bình	Luật		
188	KG1432M513	Trịnh Thị Ngọc Diễm	07/02/96	KG1432M1	N	2.33	139	Trung bình	Luật		
189	KG1432M519	Phạm Thùy Dương	25/08/94	KG1432M1	N	2.30	139	Trung bình	Luật		
190	KG1432M522	Trần Thúy Duy	16/02/95	KG1432M1	N	2.52	139	Khá	Luật		
191	KG1432M525	Dương Hữu Đăng	01/01/96	KG1432M1		2.07	139	Trung bình	Luật		
192	KG1432M529	Lại Minh Đình	14/03/96	KG1432M1		2.11	139	Trung bình	Luật		
193	KG1432M531	Tạ Thị Kim Đoan	15/08/96	KG1432M1	N	2.15	139	Trung bình	Luật		
194	KG1432M533	Hồ Thị Trúc Giang	14/03/94	KG1432M1	N	2.37	139	Trung bình	Luật		
195	KG1432M538	Đinh Thị Bích Hằng	15/03/95	KG1432M1	N	2.11	139	Trung bình	Luật		
196	KG1432M539	Trần Quốc Hào	01/04/92	KG1432M1		2.14	139	Trung bình	Luật		
197	KG1432M545	Nguyễn Tấn Hưng	01/01/86	KG1432M1		2.02	139	Trung bình	Luật		
198	KG1432M548	Lê Thị Thúy Huyền	31/05/96	KG1432M1	N	2.10	139	Trung bình	Luật		
199	KG1432M557	Huỳnh Thị Tiểu Lam	04/08/96	KG1432M1	N	2.05	139	Trung bình	Luật		
200	KG1432M558	Phan Văn Linh	07/04/96	KG1432M1		2.18	139	Trung bình	Luật		
201	KG1432M562	Võ Hoàng Long	15/08/95	KG1432M1		2.03	139	Trung bình	Luật		
202	KG1432M564	Nguyễn Dạ Lý	28/01/96	KG1432M1	N	2.11	139	Trung bình	Luật		
203	KG1432M567	Nguyễn Quốc Nam	09/08/96	KG1432M1		2.02	139	Trung bình	Luật		
204	KG1432M569	Nguyễn Bích Nghi	15/02/96	KG1432M1	N	2.16	139	Trung bình	Luật		
205	KG1432M573	Lê Văn Ngoãn	01/01/87	KG1432M1		2.34	139	Trung bình	Luật		
206	KG1432M581	Trần Thị Kiều Nhi	19/01/96	KG1432M1	N	2.04	139	Trung bình	Luật		
207	KG1432M584	Nguyễn Thị Như	18/11/96	KG1432M1	N	2.07	139	Trung bình	Luật		
208	KG1432M585	Tăng Bích Như	06/03/96	KG1432M1	N	2.11	139	Trung bình	Luật		
209	KG1432M591	Nguyễn Việt Oanh	20/09/96	KG1432M1		2.70	139	Khá	Luật		
210	KG1432M593	Lê Thanh Phong	11/11/95	KG1432M1		2.12	139	Trung bình	Luật		
211	KG1432M599	Cô Thị Diễm Phượng	12/02/96	KG1432M1	N	2.07	139	Trung bình	Luật		
212	KG1432M609	Nguyễn Hồng Thẩm	20/02/96	KG1432M1	N	2.51	139	Khá	Luật		
213	KG1432M612	Trịnh Hữu Thành	01/08/96	KG1432M1		2.29	139	Trung bình	Luật		
214	KG1432M617	Nguyễn Phú Thọ	03/02/91	KG1432M1		2.25	139	Trung bình	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 10

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
215	KG1432M620	Lê Thị Minh Thư	10/01/96	KG1432M1	N	3.05	139	Khá	Luật		
216	KG1432M621	Nguyễn Thị Anh Thư	04/09/93	KG1432M1	N	2.63	139	Khá	Luật		
217	KG1432M627	La Hoài Thương	21/08/94	KG1432M1	N	2.41	139	Trung bình	Luật		
218	KG1432M628	Võ Việt Thương	04/06/95	KG1432M1	N	2.35	139	Trung bình	Luật		
219	KG1432M629	Võ Hồng Thuy	22/12/96	KG1432M1	N	2.55	139	Khá	Luật		
220	KG1432M630	Trương Thị Thủy Tiên	17/07/92	KG1432M1	N	2.44	139	Trung bình	Luật		
221	KG1432M633	Nguyễn Thị Khánh Tiên	04/10/96	KG1432M1	N	2.53	139	Khá	Luật		
222	KG1432M637	Mai Thị Trang	10/11/93	KG1432M1	N	2.12	139	Trung bình	Luật		
223	KG1432M638	Ngô Thị Thủy Trang	30/10/96	KG1432M1	N	2.20	139	Trung bình	Luật		
224	KG1432M640	Trương Võ Thu Trinh	08/12/94	KG1432M1	N	2.39	139	Trung bình	Luật		
225	KG1432M642	Đặng Văn Trung	04/06/84	KG1432M1		2.42	139	Trung bình	Luật		
226	KG1432M648	Nguyễn Lam Tuyền	19/07/96	KG1432M1	N	2.23	139	Trung bình	Luật		
227	ST1432M005	Trương Ngọc Bích	19/05/93	ST1432M1	N	2.06	139	Trung bình	Luật		
228	ST1432M012	Nguyễn Thị Kim Cương	01/01/96	ST1432M1	N	2.40	139	Trung bình	Luật		
229	ST1432M021	Hà Anh Duy	20/06/96	ST1432M1		2.64	139	Khá	Luật		
230	ST1432M033	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	/ /84	ST1432M2	N	2.17	139	Trung bình	Luật		
231	ST1432M037	Trần Thị Ngọc Hoa	09/09/94	ST1432M1	N	2.50	139	Khá	Luật		
232	ST1432M043	Lâm Quốc Hưng	25/03/88	ST1432M2		2.37	139	Trung bình	Luật		
233	ST1432M045	Nguyễn Thị Huyền	25/02/96	ST1432M1	N	2.23	139	Trung bình	Luật		
234	ST1432M073	Nguyễn Thị Trúc Mai	13/09/84	ST1432M2	N	2.31	139	Trung bình	Luật		
235	ST1432M079	Phạm Kim Ngân	01/11/96	ST1432M1	N	2.06	139	Trung bình	Luật		
236	ST1432M081	Mai Bích Ngọc	01/01/95	ST1432M1	N	2.01	139	Trung bình	Luật		
237	ST1432M084	Quách Thị Minh Nhân	01/12/96	ST1432M1	N	2.19	139	Trung bình	Luật		
238	ST1432M089	Tô Thị Mỹ Nhiên	22/01/96	ST1432M1	N	2.43	139	Trung bình	Luật		
239	ST1432M092	Trần Thị Kiều Oanh	25/11/95	ST1432M1	N	2.33	139	Trung bình	Luật		
240	ST1432M093	Bùi Vũ Phong	16/07/83	ST1432M3		2.52	139	Khá	Luật		
241	ST1432M096	Thạch Thanh Phong	13/11/92	ST1432M1		2.02	139	Trung bình	Luật		
242	ST1432M120	Đoàn Quốc Thanh	09/09/93	ST1432M2		2.07	147	Trung bình	Luật		
243	ST1432M123	Nguyễn Thị Cẩm Thi	13/09/96	DC1432M1	N	2.02	139	Trung bình	Luật		
244	ST1432M128	Võ Huỳnh Thương	04/09/96	ST1432M1		2.42	139	Trung bình	Luật		
245	ST1432M131	Phạm Thủy Tiên	17/11/93	ST1432M1	N	2.59	139	Khá	Luật		
246	ST1432M141	Trần Kim Bảo Trinh	04/01/96	ST1432M1	N	2.42	139	Trung bình	Luật		
247	ST1432M151	Phan Hữu Vinh	14/01/89	ST1432M1		2.06	139	Trung bình	Luật		
248	ST1432M153	Lưu Bảo Yến	10/10/95	ST1432M1	N	2.21	139	Trung bình	Luật		
249	ST1432M154	Cao Thị Hồng Yến	05/09/95	ST1432M1	N	2.46	139	Trung bình	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 11

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
250	ST1432M166	Võ Trần Dương	20/08/92	ST1432M2		2.34	139	Trung bình	Luật		
251	ST1432M170	Huỳnh Công Định	19/06/82	ST1432M2		2.08	139	Trung bình	Luật		
252	ST1432M171	Nguyễn Văn Đủ	01/04/90	ST1432M2		2.43	139	Trung bình	Luật		
253	ST1432M173	Dương Văn Đương	/ /86	ST1432M2		2.27	139	Trung bình	Luật		
254	ST1432M174	Bùi Linh Em	/ /84	ST1432M2		2.32	139	Trung bình	Luật		
255	ST1432M180	Tô Thúy Hằng	01/07/95	ST1432M2	N	2.41	139	Trung bình	Luật		
256	ST1432M184	Huỳnh Hello	29/04/93	ST1432M2		2.40	139	Trung bình	Luật		
257	ST1432M187	Huỳnh Minh Hiếu	08/11/80	ST1432M2		2.14	139	Trung bình	Luật		
258	ST1432M188	Nguyễn Hữu Hòa	21/01/80	ST1432M2		2.16	139	Trung bình	Luật		
259	ST1432M191	Trần Thị Huyền	/ /87	ST1432M2	N	2.26	139	Trung bình	Luật		
260	ST1432M195	Lê Văn Khanh	26/03/80	ST1432M2		2.10	139	Trung bình	Luật		
261	ST1432M198	Trần Quốc Khởi	14/02/75	ST1432M2		2.20	139	Trung bình	Luật		
262	ST1432M199	Dương Bé Khương	22/02/85	ST1432M2		2.35	139	Trung bình	Luật		
263	ST1432M200	Văn Thị Thúy Kiều	21/05/93	ST1432M2	N	2.36	139	Trung bình	Luật		
264	ST1432M202	Phạm Chí Linh	29/02/88	ST1432M2		2.51	139	Khá	Luật		
265	ST1432M205	Sơn Thảo Ly Ly	11/05/95	ST1432M2	N	2.24	139	Trung bình	Luật		
266	ST1432M206	Phạm Thành Mộng	/ /83	ST1432M2		2.15	139	Trung bình	Luật		
267	ST1432M211	Trần Thị Ngọc	19/03/96	ST1432M2	N	2.20	139	Trung bình	Luật		
268	ST1432M213	Đặng Như Nguyệt	02/06/92	ST1432M2	N	2.54	139	Khá	Luật		
269	ST1432M217	Đặng Thanh Nhận	12/03/82	ST1432M2		2.26	139	Trung bình	Luật		
270	ST1432M221	Nguyễn Văn Nhịn	01/01/96	ST1432M2		2.23	139	Trung bình	Luật		
271	ST1432M222	Lâm Thị Bích Như	/ /84	ST1432M2	N	2.29	139	Trung bình	Luật		
272	ST1432M231	Phạm Văn Phụng	/ /82	ST1432M2		2.20	139	Trung bình	Luật		
273	ST1432M238	Huỳnh Dũng Sĩ	20/04/77	ST1432M2		2.12	139	Trung bình	Luật		
274	ST1432M240	Lâm Minh Tâm	20/04/87	ST1432M2		2.11	139	Trung bình	Luật		
275	ST1432M243	Lê Hoài Thanh	29/07/84	ST1432M2		2.16	139	Trung bình	Luật		
276	ST1432M244	Phan Vũ Thanh	10/02/90	ST1432M2		2.38	139	Trung bình	Luật		
277	ST1432M246	Trần Hữu Thành	23/01/84	ST1432M2		2.78	139	Khá	Luật		
278	ST1432M255	Dương Thị Phương Thúy	18/08/85	ST1432M2	N	2.69	139	Khá	Luật		
279	ST1432M256	Lê Thị Phương Thùy	/ /83	ST1432M2	N	2.53	139	Khá	Luật		
280	ST1432M258	Quách Nguyễn Tiệp	09/01/90	ST1432M2		2.20	139	Trung bình	Luật		
281	ST1432M259	Nguyễn Hồng Tơ	18/06/93	ST1432M2		2.13	139	Trung bình	Luật		
282	ST1432M261	Nguyễn Văn Toàn	16/01/79	ST1432M2		2.24	139	Trung bình	Luật		
283	ST1432M262	Trần Văn Tới	/ /71	ST1432M2		2.31	139	Trung bình	Luật		
284	ST1432M268	Huỳnh Minh Trọng	20/09/89	ST1432M2		2.40	139	Trung bình	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 12

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
285	ST1432M271	Võ Nhật Trường	17/01/96	ST1432M2		2.72	139	Khá	Luật		
286	ST1432M273	Trần Dương Tuyền	05/08/85	ST1432M2	N	2.84	139	Khá	Luật		
287	ST1432M274	Hồ Thị Ánh Tuyết	01/01/87	ST1432M2	N	2.77	139	Khá	Luật		
288	ST1432M282	Lưu Tuấn An	20/05/84	ST1432M3		2.80	139	Khá	Luật		
289	ST1432M298	Dương Dũng Em	04/11/87	ST1432M3		2.60	139	Khá	Luật		
290	ST1432M299	Trần Thị Út Em	02/12/82	ST1432M3	N	2.05	139	Trung bình	Luật		
291	ST1432M302	Lý Thị Thu Hà	20/08/95	ST1432M3	N	2.34	139	Trung bình	Luật		
292	ST1432M305	Tiền Duy Hải	25/07/91	ST1432M3		2.37	139	Trung bình	Luật		
293	ST1432M311	Trần Ngọc Hoàng	01/01/88	ST1432M3		2.21	139	Trung bình	Luật		
294	ST1432M314	Văn Thạch Hương	21/03/93	ST1432M3		2.54	139	Khá	Luật		
295	ST1432M321	Dương Mỹ Lợi	11/02/94	ST1432M3	N	2.12	139	Trung bình	Luật		
296	ST1432M325	Trần Tấn Lực	08/03/89	ST1432M3		2.24	139	Trung bình	Luật		
297	ST1432M326	Phan Thành Lượng	23/05/91	ST1432M3		2.05	139	Trung bình	Luật		
298	ST1432M332	Trần Thị Nga	06/07/96	ST1432M3	N	2.12	139	Trung bình	Luật		
299	ST1432M333	La Thị Ngân	28/09/93	ST1432M3	N	2.44	139	Trung bình	Luật		
300	ST1432M343	Lê Văn Nhân	25/03/84	ST1432M3		2.21	139	Trung bình	Luật		
301	ST1432M346	Lâm Thị Yến Nhi	13/02/93	ST1432M3	N	2.15	139	Trung bình	Luật		
302	ST1432M349	Đoàn Thị Kiều Nương	20/09/88	ST1432M3	N	2.58	139	Khá	Luật		
303	ST1432M353	Đặng Thị Diễm Phương	10/09/83	ST1432M3	N	2.27	139	Trung bình	Luật		
304	ST1432M355	Lâm Thanh Phương	08/02/96	ST1432M3	N	2.25	139	Trung bình	Luật		
305	ST1432M360	Thạch Quốc	/ /85	ST1432M3		2.59	139	Khá	Luật		
306	ST1432M361	Dương Minh Rực	30/12/88	ST1432M3		2.53	139	Khá	Luật		
307	ST1432M365	Dương Văn Thắng	13/07/87	ST1432M3		2.20	139	Trung bình	Luật		
308	ST1432M367	Dương Tấn Thanh	09/01/84	ST1432M3		2.08	139	Trung bình	Luật		
309	ST1432M369	Dương Thị Thảo	19/05/90	ST1432M3	N	2.34	139	Trung bình	Luật		
310	ST1432M371	Dương Thoại Anh Thư	05/01/96	ST1432M3	N	2.14	139	Trung bình	Luật		
311	ST1432M372	Trần Thị Minh Thư	01/02/90	ST1432M3	N	2.40	139	Trung bình	Luật		
312	ST1432M373	Nguyễn Văn Thử	15/06/69	ST1432M3		2.30	139	Trung bình	Luật		
313	ST1432M374	Trương Văn Thừa	01/02/80	ST1432M3		2.03	147	Trung bình	Luật		
314	ST1432M376	Trần Thị Kim Thùy	12/09/85	ST1432M3	N	2.41	139	Trung bình	Luật		
315	ST1432M378	Trương Ngọc Thủy	05/01/82	ST1432M3	N	2.06	139	Trung bình	Luật		
316	ST1432M381	Trần Thị Nhã Trân	07/08/88	ST1432M3	N	2.13	139	Trung bình	Luật		
317	ST1432M385	Võ Hoàng Tú	01/10/91	ST1432M3		2.34	139	Trung bình	Luật		
318	ST1432M390	Phan Thanh Vờ	/ /69	ST1432M3		2.17	139	Trung bình	Luật		
319	ST1432M395	Trần Kim Chi	30/08/78	ST1432M4	N	2.50	139	Khá	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 13

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
320	ST1432M398	Nguyễn Hoàng Dư	/ /80	ST1432M4		2.03	139	Trung bình	Luật		
321	ST1432M400	Trần Tiến Dũng	/ /86	ST1432M4		2.16	139	Trung bình	Luật		
322	ST1432M402	Trương Thị Thanh Đào	16/02/90	ST1432M4	N	3.01	139	Khá	Luật		
323	ST1432M407	Huỳnh Văn Đông	17/01/87	ST1432M4		3.27	139	Giỏi	Luật		
324	ST1432M408	Nguyễn Thanh Đù	16/02/95	ST1432M4		2.52	139	Khá	Luật		
325	ST1432M409	Nguyễn Văn Đức	09/02/85	ST1432M4		2.12	139	Trung bình	Luật		
326	ST1432M417	Võ Thái Hòa	22/07/96	ST1432M4		2.09	139	Trung bình	Luật		
327	ST1432M419	Lê Tuấn Huy	15/08/88	ST1432M4		2.38	139	Trung bình	Luật		
328	ST1432M420	Tăng Huỳnh Huy	16/05/91	ST1432M4		2.16	139	Trung bình	Luật		
329	ST1432M421	Trần Lê An Khang	07/08/96	ST1432M4		2.20	139	Trung bình	Luật		
330	ST1432M424	Châu Duy Khánh	26/04/88	ST1432M4		2.16	139	Trung bình	Luật		
331	ST1432M426	Lữ Hoàng Kiếm	02/09/84	ST1432M4		2.73	139	Khá	Luật		
332	ST1432M429	Trần Hương Liên	01/08/89	ST1432M4	N	2.37	139	Trung bình	Luật		
333	ST1432M430	Trần Huỳnh Ly	19/04/90	ST1432M4		2.05	139	Trung bình	Luật		
334	ST1432M436	Thạch Ế Nao	11/12/83	ST1432M4		2.30	139	Trung bình	Luật		
335	ST1432M439	Trần Nhuận Hà Nhanh	/ /86	ST1432M4		2.16	139	Trung bình	Luật		
336	ST1432M441	Quách Văn Phúc	02/01/88	ST1432M4		2.14	139	Trung bình	Luật		
337	ST1432M442	Hàng Sà Rinh	01/05/91	ST1432M4		2.20	139	Trung bình	Luật		
338	ST1432M444	Khuu Phấn Suối	06/08/89	ST1432M4		2.43	139	Trung bình	Luật		
339	ST1432M447	Nguyễn Văn Thế	28/02/94	ST1432M4		2.69	139	Khá	Luật		
340	ST1432M455	Nguyễn Dương Tiền	14/03/92	ST1432M4		2.41	139	Trung bình	Luật		
341	ST1432M457	Nguyễn Hoàng Toàn	/ /83	ST1432M4		2.03	139	Trung bình	Luật		
342	ST1432M458	Trần Văn Toàn	21/06/81	ST1432M4		2.04	139	Trung bình	Luật		
343	ST1432M465	Tạ Tấn Vinh	02/05/84	ST1432M4		2.05	139	Trung bình	Luật		
344	ST1432M468	Thạch Vương	/ /81	ST1432M4		2.22	141	Trung bình	Luật		
345	VL1432M503	Hồ Văn Bình	05/06/75	VL1432M1		2.55	139	Khá	Luật		
346	VL1432M504	Nguyễn Thanh Bình	/ /75	VL1432M1		2.16	139	Trung bình	Luật		
347	VL1432M505	Trần Quốc Bình	01/01/81	VL1432M1		2.54	139	Khá	Luật		
348	VL1432M506	Nguyễn Khánh Bồn	10/08/84	VL1432M1		2.12	139	Trung bình	Luật		
349	VL1432M509	Phạm Ngô Cao	21/09/95	VL1432M1		2.54	139	Khá	Luật		
350	VL1432M510	Cao Thị Ngọc Chi	27/11/89	VL1432M1	N	2.53	139	Khá	Luật		
351	VL1432M512	Đoàn Văn Trường Chinh	10/06/82	VL1432M1		2.39	139	Trung bình	Luật		
352	VL1432M513	Phạm Văn Cống	04/11/66	VL1432M1		2.48	139	Trung bình	Luật		
353	VL1432M514	Nguyễn Văn Công	15/11/86	VL1432M1		2.32	139	Trung bình	Luật		
354	VL1432M516	Nguyễn Kiều Diễm	18/06/96	VL1432M1	N	2.35	139	Trung bình	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 14

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
355	VL1432M517	Trần Thị Diệu	30/12/84	VL1432M1	N	2.46	139	Trung bình	Luật		
356	VL1432M518	Lê Tiến Dũng	19/11/84	VL1432M1		2.60	139	Khá	Luật		
357	VL1432M521	Phạm Lê Duy	04/08/90	VL1432M1		2.57	139	Khá	Luật		
358	VL1432M522	Phạm Quốc Duy	13/03/96	VL1432M1		2.29	139	Trung bình	Luật		
359	VL1432M523	Đỗ Trúc Đan	28/10/83	VL1432M1	N	2.52	139	Khá	Luật		
360	VL1432M525	Bùi Quốc Đạt	08/08/96	VL1432M1		2.58	139	Khá	Luật		
361	VL1432M527	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	31/12/84	VL1432M1	N	2.71	139	Khá	Luật		
362	VL1432M528	Phan Thị Tuyết Hạnh	20/02/81	VL1432M1	N	2.74	139	Khá	Luật		
363	VL1432M532	Nguyễn Nhựt Hoàng	28/08/91	VL1432M1		2.54	139	Khá	Luật		
364	VL1432M534	Đặng Ngọc Hưng	17/05/92	VL1432M1		2.41	139	Trung bình	Luật		
365	VL1432M536	Trương Thị Hồng Hương	22/05/70	VL1432M1	N	2.43	139	Trung bình	Luật		
366	VL1432M538	Ngô Đặng Ngọc Huyền	05/12/93	VL1432M1	N	2.41	139	Trung bình	Luật		
367	VL1432M540	Lê Quang Huỳnh	26/03/85	VL1432M1		2.57	139	Khá	Luật		
368	VL1432M543	Bùi Thị Trúc Lam	06/04/96	VL1432M1	N	2.31	139	Trung bình	Luật		
369	VL1432M544	Nguyễn Hồng Lập	05/06/89	VL1432M1	N	2.33	139	Trung bình	Luật		
370	VL1432M546	Bùi Thị Thùy Linh	18/02/96	VL1432M1	N	2.15	139	Trung bình	Luật		
371	VL1432M549	Nguyễn Hoàng Lộc	06/09/95	VL1432M1		2.23	139	Trung bình	Luật		
372	VL1432M551	Nguyễn Dương Long	01/02/92	VL1432M1		2.13	139	Trung bình	Luật		
373	VL1432M552	Hồ Lê Minh Luân	24/11/84	VL1432M1		2.62	139	Khá	Luật		
374	VL1432M553	Dương Ngọc Minh	18/04/76	VL1432M1	N	2.56	139	Khá	Luật		
375	VL1432M554	Đặng Hữu Hiếu Minh	16/02/78	VL1432M1		2.26	139	Trung bình	Luật		
376	VL1432M555	Huỳnh Đức Minh	13/06/83	VL1432M1		2.34	139	Trung bình	Luật		
377	VL1432M556	Nguyễn Thị Trúc Minh	06/03/84	VL1432M1	N	2.49	139	Trung bình	Luật		
378	VL1432M557	Nguyễn Thông Minh	09/07/86	VL1432M1		2.40	139	Trung bình	Luật		
379	VL1432M560	Nguyễn Văn Minh Nghị	04/06/91	VL1432M1		2.28	139	Trung bình	Luật		
380	VL1432M561	Dương Thị Ngọc	30/12/80	VL1432M1	N	2.48	139	Trung bình	Luật		
381	VL1432M562	Nguyễn Thị Như Ngọc	26/12/96	VL1432M1	N	2.24	139	Trung bình	Luật		
382	VL1432M563	Phạm Hoàng Yến Ngọc	19/03/93	VL1432M1	N	2.35	139	Trung bình	Luật		
383	VL1432M565	Nguyễn Phúc Thảo Nhi	01/06/95	VL1432M1	N	2.33	139	Trung bình	Luật		
384	VL1432M566	Nguyễn Viết Nhựt	20/07/84	VL1432M1		2.21	139	Trung bình	Luật		
385	VL1432M571	Huỳnh Hữu Phi	16/01/85	VL1432M1		2.33	144	Trung bình	Luật		
386	VL1432M573	Nguyễn Thanh Phong	30/09/96	VL1432M1		2.34	139	Trung bình	Luật		
387	VL1432M575	Nguyễn Thanh Phúc	28/10/91	VL1432M1		2.17	139	Trung bình	Luật		
388	VL1432M576	Phạm Hồng Phúc	20/09/92	VL1432M1		2.21	139	Trung bình	Luật		
389	VL1432M577	Nguyễn Thị Diệu Phước	11/12/96	VL1432M1	N	2.33	139	Trung bình	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 15

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
390	VL1432M578	Nguyễn Thanh Phương	26/09/77	VL1432M1		2.61	139	Khá	Luật		
391	VL1432M579	Trần Phương	17/02/96	VL1432M1		2.60	139	Khá	Luật		
392	VL1432M580	Trần Vũ Phương	19/01/87	VL1432M1		2.37	139	Trung bình	Luật		
393	VL1432M581	Trần Ngọc Quí	16/12/95	VL1432M1		2.45	139	Trung bình	Luật		
394	VL1432M585	Nguyễn Hoàng Sơn	22/10/81	VL1432M1		2.57	139	Khá	Luật		
395	VL1432M586	Phan Ngọc Sơn	10/04/79	VL1432M1		2.24	139	Trung bình	Luật		
396	VL1432M587	Nguyễn Quốc Sự	15/10/84	VL1432M1		2.48	139	Trung bình	Luật		
397	VL1432M588	Trần Văn Súa	17/08/92	VL1432M1		2.77	139	Khá	Luật		
398	VL1432M589	Tôn Thị Diễm Sương	13/06/96	VL1432M1	N	2.47	139	Trung bình	Luật		
399	VL1432M592	Nguyễn Thành Tâm	25/08/80	VL1432M1		2.13	139	Trung bình	Luật		
400	VL1432M594	Phạm Thị Lệ Thanh	20/02/81	VL1432M1	N	2.04	139	Trung bình	Luật		
401	VL1432M595	Lê Hoàng Thảo	24/02/91	VL1432M1		2.55	139	Khá	Luật		
402	VL1432M597	Đoàn Minh Thiện	05/08/90	VL1432M1		2.67	139	Khá	Luật		
403	VL1432M600	Lê Thị Ngọc Thu	22/10/87	VL1432M1	N	2.97	139	Khá	Luật		
404	VL1432M602	Cao Thị Thu Thúy	17/09/96	VL1432M1	N	2.41	139	Trung bình	Luật		
405	VL1432M603	Nguyễn Thị Thúy	27/02/86	VL1432M1	N	2.62	139	Khá	Luật		
406	VL1432M604	Lưu Thị Thủy Tiên	25/01/91	VL1432M1	N	2.36	139	Trung bình	Luật		
407	VL1432M607	Nguyễn Thành Toàn	06/12/79	VL1432M1		2.35	139	Trung bình	Luật		
408	VL1432M608	Trần Quốc Toàn	12/09/87	VL1432M1		2.65	139	Khá	Luật		
409	VL1432M612	Nguyễn Thị Bích Trang	16/09/86	VL1432M1	N	3.02	139	Khá	Luật		
410	VL1432M613	Nguyễn Thị Thu Trang	25/03/83	VL1432M1	N	2.26	139	Trung bình	Luật		
411	VL1432M614	Lê Quốc Trọng	19/11/92	VL1432M1		2.30	139	Trung bình	Luật		
412	VL1432M617	Trần Châu Tuyết Trinh	18/04/95	VL1432M1	N	2.48	139	Trung bình	Luật		
413	VL1432M618	Lê Đỗ Trọng	05/04/87	VL1432M1		2.86	139	Khá	Luật		
414	VL1432M619	Phùng Thị Thanh Trúc	28/11/85	VL1432M1	N	2.21	139	Trung bình	Luật		
415	VL1432M620	Phan Bảo Trung	23/10/89	VL1432M1		2.37	139	Trung bình	Luật		
416	VL1432M621	Lê Nhựt Trường	10/06/91	VL1432M1		2.90	139	Khá	Luật		
417	VL1432M622	Hồ Thế Truyền	06/01/88	VL1432M1		2.24	139	Trung bình	Luật		
418	VL1432M623	Đoàn Anh Tuấn	06/10/84	VL1432M1		2.38	139	Trung bình	Luật		
419	VL1432M624	Ngô Văn Tuấn	14/12/80	VL1432M1		2.23	139	Trung bình	Luật		
420	VL1432M625	Phạm Thanh Tuấn	27/12/96	VL1432M1		2.13	139	Trung bình	Luật		
421	VL1432M627	Nguyễn Thanh Tùng	17/09/92	VL1432M1		2.50	139	Khá	Luật		
422	VL1432M628	Nguyễn Hoàng Việt	07/07/85	VL1432M1		2.41	139	Trung bình	Luật		
423	VL1432M630	Huỳnh Trần Tấn Vinh	09/09/89	VL1432M1		3.22	140	Giỏi	Luật		
424	VL1432M631	Nguyễn Hoàng Vinh	30/07/96	VL1432M1		2.35	139	Trung bình	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 16

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
425	VL1432M632	Nguyễn Văn Hiến Vinh	15/10/93	VL1432M1		2.15	139	Trung bình	Luật		
426	VL1432M633	Hồ Hoàng Vũ	01/09/82	VL1432M1		2.52	139	Khá	Luật		
427	VL1432M635	Phạm Ngọc Anh Vũ	24/06/91	VL1432M1		2.04	139	Trung bình	Luật		
428	VL1432M636	Võ Thanh Xuân	02/11/88	VL1432M1		2.86	139	Khá	Luật		
Ngành học: Luật (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (bán tập trung))											
1	CT1432N502	Nguyễn Thị Ngọc Bích	/ /90	CT1432N2	N	2.59	139	Khá	Luật		
2	CT1432N508	Lưu Châu Hướng Dương	27/06/94	CT1432N2	N	2.43	139	Trung bình	Luật		
3	CT1432N514	Nguyễn Thị Kim Hiền	04/08/92	CT1432N2	N	2.03	139	Trung bình	Luật		
4	CT1432N521	Nguyễn Thái Minh Kỳ	19/06/88	CT1432N2		2.39	139	Trung bình	Luật		
5	CT1432N525	Nguyễn Trung Nghĩa	25/01/96	CT1432N2		2.56	139	Khá	Luật		
6	CT1432N529	Lê Quang Nhật	12/09/95	CT1432N2		2.15	139	Trung bình	Luật		
7	CT1432N530	Mai Văn Nhơn	24/08/95	CT1432N2		2.17	139	Trung bình	Luật		
8	CT1432N533	Lý Văn Phiên	/ /90	CT1432N2		2.45	139	Trung bình	Luật		
9	CT1432N534	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	30/12/90	CT1432N2	N	2.32	139	Trung bình	Luật		
10	CT1432N538	Võ Ngọc Đan Thanh	11/12/96	CT1432N2	N	2.33	139	Trung bình	Luật		
11	CT1432N539	Nguyễn Thanh Thảo	14/12/85	CT1432N2	N	2.61	139	Khá	Luật		
12	CT1432N544	Thạch Thị Ngọc Thủy	06/04/93	CT1432N2	N	2.85	139	Khá	Luật		
13	CT1432N554	Đặng Võ Hoài Trung	01/06/93	CT1432N2		2.34	139	Trung bình	Luật		
14	CT1432N556	Nguyễn Ánh Tuyết	12/09/96	CT1432N2	N	2.40	139	Trung bình	Luật		
15	CT1432N557	Nguyễn Thế Việt	14/01/88	CT1432N2		2.40	139	Trung bình	Luật		
16	CT1432N558	Đặng Tuấn Vũ	06/04/91	CT1432N2		2.98	139	Khá	Luật		
17	CT1432N559	Nguyễn Thị Như Ý	03/09/85	CT1432N2	N	2.64	139	Khá	Luật		
18	DA1432N503	Nguyễn Thị Loan Anh	02/08/90	DA1432N1	N	2.55	139	Khá	Luật		
19	DA1432N513	Nguyễn Văn Chén	10/10/68	DA1432N1		2.41	139	Trung bình	Luật		
20	DA1432N517	Trịnh Tấn Công	16/04/85	DA1432N1		2.78	139	Khá	Luật		
21	DA1432N522	Lê Thị Kim Dung	24/01/92	DA1432N1	N	2.47	139	Trung bình	Luật		
22	DA1432N528	Nguyễn Thị Thùy Dương	20/05/89	DA1432N1	N	2.56	140	Khá	Luật		
23	DA1432N532	Võ Phát Đạt	20/06/95	DA1432N1		2.20	139	Trung bình	Luật		
24	DA1432N539	Trần Dương Kiều Giang	19/12/92	DA1432N1	N	2.05	139	Trung bình	Luật		
25	DA1432N540	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	26/09/91	DA1432N1	N	2.60	139	Khá	Luật		
26	DA1432N543	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	21/07/84	DA1432N1	N	2.57	142	Khá	Luật		
27	DA1432N547	Nguyễn Minh Hiền	25/11/88	DA1432N1		2.32	140	Trung bình	Luật		
28	DA1432N548	Huỳnh Sơn Hiếu	07/11/88	DA1432N1		2.42	139	Trung bình	Luật		
29	DA1432N560	Huỳnh Thị Mỹ Hương	23/03/82	DA1432N1	N	2.43	139	Trung bình	Luật		
30	DA1432N562	Chu Văn Huy	16/07/80	DA1432N1		2.21	139	Trung bình	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 17

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
31	DA1432N563	Lê Quốc Huy	11/09/91	DA1432N1		2.37	139	Trung bình	Luật		
32	DA1432N566	Lê Văn Khanh	01/01/90	DA1432N1		2.29	139	Trung bình	Luật		
33	DA1432N571	Trương Tuấn Kiệt	20/11/88	DA1432N1		2.46	139	Trung bình	Luật		
34	DA1432N573	Bùi Văn Lâm	/ /91	DA1432N1		2.26	139	Trung bình	Luật		
35	DA1432N576	Nguyễn Thị Bích Lệ	/ /82	DA1432N1	N	2.43	139	Trung bình	Luật		
36	DA1432N577	Trương Thị Bích Liễu	10/07/96	DA1432N1	N	2.29	139	Trung bình	Luật		
37	DA1432N580	Trần Thị Mỹ Linh	07/08/89	DA1432N1	N	2.35	139	Trung bình	Luật		
38	DA1432N581	Võ Thị Thùy Linh	18/04/90	DA1432N1	N	2.79	139	Khá	Luật		
39	DA1432N584	Hồ Thị Kiều Loan	18/01/85	DA1432N1	N	2.48	140	Trung bình	Luật		
40	DA1432N587	Lê Khắc Lợi	/ /81	DA1432N1		2.27	139	Trung bình	Luật		
41	DA1432N592	Nguyễn Trọng Luật	07/05/82	DA1432N1		2.18	139	Trung bình	Luật		
42	DA1432N604	Nguyễn Thành Nguyên	05/12/89	DA1432N1		3.03	138	Khá	Luật		
43	DA1432N605	Võ Thanh Nhân	01/01/91	DA1432N1		2.18	139	Trung bình	Luật		
44	DA1432N610	Dương Cao Thành Nhơn	10/02/91	DA1432N1		2.45	139	Trung bình	Luật		
45	DA1432N611	Lê Thị Ngọc Huỳnh Như	27/04/90	DA1432N1	N	2.37	139	Trung bình	Luật		
46	DA1432N616	Nguyễn Thị Hàn Ni	/ /85	DA1432N1	N	2.31	139	Trung bình	Luật		
47	DA1432N620	Lê Quang Yển Phi	22/09/92	DA1432N1	N	2.51	139	Khá	Luật		
48	DA1432N621	Trần Hữu Phúc	06/02/80	DA1432N1		2.04	139	Trung bình	Luật		
49	DA1432N626	Trần Thị Thanh Phương	12/02/90	DA1432N1	N	2.51	139	Khá	Luật		
50	DA1432N636	Nguyễn Thành Sĩ	25/07/88	DA1432N1		2.39	139	Trung bình	Luật		
51	DA1432N638	Nguyễn Văn Sĩ	25/03/81	DA1432N1		2.31	141	Trung bình	Luật		
52	DA1432N643	Nguyễn Hữu Tài	11/01/92	DA1432N1		2.13	139	Trung bình	Luật		
53	DA1432N655	Hồ Xuân Thắng	04/05/82	DA1432N1		2.50	139	Khá	Luật		
54	DA1432N656	Vương Văn Thắng	26/03/76	DA1432N1		2.07	139	Trung bình	Luật		
55	DA1432N658	Nguyễn Phương Thanh	23/02/90	DA1432N1		2.33	139	Trung bình	Luật		
56	DA1432N660	Võ Thị Huệ Thanh	10/12/89	DA1432N1	N	2.47	138	Trung bình	Luật		
57	DA1432N666	Nguyễn Phúc Thiện	02/01/92	DA1432N1		2.26	139	Trung bình	Luật		
58	DA1432N672	Trần Hữu Thọ	09/11/91	DA1432N1		2.71	141	Khá	Luật		
59	DA1432N677	Hà Bích Thủy	04/07/91	DA1432N1	N	2.10	143	Trung bình	Luật		
60	DA1432N678	Lê Cao Thy	26/03/88	DA1432N1		2.27	139	Trung bình	Luật		
61	DA1432N687	Trần Thái Trần	09/05/93	DA1432N1	N	2.40	139	Trung bình	Luật		
62	DA1432N689	Bùi Thị Diễm Trang	19/05/90	DA1432N1	N	2.29	139	Trung bình	Luật		
63	DA1432N696	Phan Minh Triết	03/09/91	DA1432N1		2.45	139	Trung bình	Luật		
64	DA1432N705	Huỳnh Lâm Quốc Trung	06/09/92	DA1432N1		2.38	139	Trung bình	Luật		
65	DA1432N717	Trịnh Văn Tuấn	01/07/72	DA1432N1		2.41	139	Trung bình	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 18

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
66	DA1432N719	Đinh Minh Tùng	20/05/69	DA1432N1		2.20	139	Trung bình	Luật		
67	DA1432N721	Ngô Quan Tùng	02/10/85	DA1432N1		2.57	138	Khá	Luật		
68	DA1432N723	Nguyễn Phạm Thị Mạnh Tuyết	18/06/95	DA1432N1	N	2.30	139	Trung bình	Luật		
69	DA1432N725	Néang Sa Vi	/ /84	DA1432N1	N	2.09	139	Trung bình	Luật		
70	DA1432N732	Nguyễn Thế Vũ	20/10/82	DA1432N1		2.38	139	Trung bình	Luật		
71	DA1432N734	Phạm Thị Thanh Xuân	07/08/88	DA1432N1	N	2.19	139	Trung bình	Luật		
72	DC1332M085	Võ Hồng My	30/11/82	CT1432N2	N	2.36	136	Trung bình	Luật		
73	DC1432M583	Nguyễn Hoàng Thâm	08/08/82	DC1432N1		2.45	139	Trung bình	Luật		
74	DC1432N509	Đặng Thị Mộng Đào	24/08/95	DC1432N1	N	2.08	139	Trung bình	Luật		
75	DC1432N514	Ký Minh Khoa	17/10/88	DC1432N1		2.13	139	Trung bình	Luật		
76	DC1432N517	Trần Văn Lý	06/05/92	DC1432N1		2.65	139	Khá	Luật		
77	DC1432N518	Nguyễn Dương Việt Mỹ	25/12/91	DC1432N1		2.12	139	Trung bình	Luật		
78	DC1432N519	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	05/09/92	DC1432N1	N	2.30	139	Trung bình	Luật		
79	DC1432N522	Lưu Thị Cẩm Nhung	29/06/93	DC1432N1	N	2.20	139	Trung bình	Luật		
80	DC1432N524	Nguyễn Võ Khương Ninh	28/03/93	DC1432N1		2.31	139	Trung bình	Luật		
81	DC1432N527	Trần Thị Bích Phượng	20/04/93	DC1432N1	N	2.72	139	Khá	Luật		
82	DC1432N528	Lê Hoàng Quân	/ /86	DC1432N1		2.32	139	Trung bình	Luật		
83	DC1432N533	Lê Thị Thủy	30/12/77	DC1432N1	N	2.21	139	Trung bình	Luật		
84	DC1432N534	Phạm Thị Minh Thùy	02/02/94	DC1432N1	N	2.68	139	Khá	Luật		
85	DC1432N536	Nguyễn Thanh Thùy	04/03/88	DC1432N1	N	2.41	139	Trung bình	Luật		
86	DC1432N542	Đặng Hải Triều	/ /76	DC1432N1		2.29	139	Trung bình	Luật		
87	GK1432N500	Phạm Hoài An	02/09/88	GK1432N1		2.31	139	Trung bình	Luật		
88	GK1432N503	Tô Văn Bạc	25/11/77	GK1432N1		2.31	139	Trung bình	Luật		
89	GK1432N510	Châu Ngọc Diện	06/02/91	GK1432N1		2.02	139	Trung bình	Luật		
90	GK1432N512	Võ Văn Dũng	11/01/81	GK1432N1		2.47	139	Trung bình	Luật		
91	GK1432N513	Lê Thị Thùy Dung	18/04/87	GK1432N1	N	2.76	139	Khá	Luật		
92	GK1432N517	Nguyễn Tấn Đạt	07/04/88	GK1432N1		2.52	139	Khá	Luật		
93	GK1432N520	Danh Đồng	11/04/92	GK1432N1		2.49	139	Trung bình	Luật		
94	GK1432N523	Ngô Thanh Hà	22/12/87	GK1432N1	N	2.62	139	Khá	Luật		
95	GK1432N526	Lê Diệu Hiền	06/06/89	GK1432N1	N	2.61	139	Khá	Luật		
96	GK1432N528	Lê Trung Hiếu	07/04/85	GK1432N1		2.43	139	Trung bình	Luật		
97	GK1432N534	Dương Văn Hữu	02/02/87	GK1432N1		2.20	139	Trung bình	Luật		
98	GK1432N538	Nguyễn Minh Khánh	22/05/86	GK1432N1		2.71	139	Khá	Luật		
99	GK1432N567	Trần Văn Thơ	02/02/71	GK1432N1		2.62	139	Khá	Luật		
100	GK1432N568	Phạm Thị Anh Thư	24/06/89	GK1432N1	N	2.59	141	Khá	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 19

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
101	GK1432N570	Vưu Quang Tiến	09/11/89	GK1432N1		2.23	139	Trung bình	Luật		
102	GK1432N572	Trần Trung Tính	19/02/83	GK1432N1		2.43	139	Trung bình	Luật		
103	GK1432N574	Trần Thanh Toán	18/06/86	GK1432N1		2.32	139	Trung bình	Luật		
104	GK1432N578	Trần Minh Trí	25/10/89	GK1432N1		2.35	139	Trung bình	Luật		
105	GK1432N580	Nguyễn Lý Thiện Trung	29/03/95	GK1432N1		2.22	139	Trung bình	Luật		
106	GK1432N582	Hồ Minh Truyền	20/08/79	GK1432N1		2.49	139	Trung bình	Luật		
107	GK1432N584	Lê Thanh Tùng	04/05/80	GK1432N1		2.34	139	Trung bình	Luật		
108	GK1432N585	Lý Ngọc Tuyền	16/09/86	GK1432N1	N	2.30	139	Trung bình	Luật		
109	GK1432N587	Phạm Thị Út	26/03/88	GK1432N1	N	2.50	139	Khá	Luật		
110	LA1432N505	Trần Trí Công	26/11/86	LA1432N1		2.14	139	Trung bình	Luật		
111	LA1432N506	Đặng Tấn Cường	01/01/78	LA1432N1		2.24	139	Trung bình	Luật		
112	LA1432N509	Trần Thanh Duy	30/07/90	LA1432N1		2.53	139	Khá	Luật		
113	LA1432N513	Nguyễn Chí Hiếu	11/08/91	LA1432N1		2.28	141	Trung bình	Luật		
114	LA1432N517	Trịnh Trung Hưng	04/05/84	LA1432N1		2.17	139	Trung bình	Luật		
115	LA1432N527	Lữ Công Luyện	20/07/91	LA1432N1		2.15	139	Trung bình	Luật		
116	LA1432N531	Nguyễn Đặng Quang Minh	13/11/77	LA1432N1		2.50	139	Khá	Luật		
117	LA1432N532	Ngô Văn Nghĩa	05/06/72	LA1432N1		2.23	139	Trung bình	Luật		
118	LA1432N536	Phan Ngọc Nhẫn	15/06/90	LA1432N1	N	2.54	139	Khá	Luật		
119	LA1432N540	Nguyễn Thành Nhựt	24/08/94	LA1432N1		2.13	139	Trung bình	Luật		
120	LA1432N543	Võ Thị Hoàng Oanh	18/07/82	LA1432N1	N	2.60	139	Khá	Luật		
121	LA1432N546	Nguyễn Thị Sáng	13/12/85	LA1432N1	N	2.29	139	Trung bình	Luật		
122	LA1432N548	Lê Trần Thiện Thắng	26/07/94	LA1432N1		2.59	139	Khá	Luật		
123	LA1432N550	Nguyễn Phú Thanh	10/01/84	LA1432N1		2.40	139	Trung bình	Luật		
124	LA1432N560	Lê Trần Thiện Toàn	25/10/95	LA1432N1		2.89	139	Khá	Luật		
125	LA1432N569	Nguyễn Văn Văn	03/07/91	LA1432N1		2.23	139	Trung bình	Luật		
126	ND1432N500	Lê Phi Á	15/07/92	ND1432N1		2.65	139	Khá	Luật		
127	ND1432N501	Lê Thị Mỹ An	28/04/87	ND1432N1	N	2.27	146	Trung bình	Luật		
128	ND1432N504	Nguyễn Trung Bình	29/10/83	ND1432N1		2.76	139	Khá	Luật		
129	ND1432N505	Nguyễn Thị Mai Chi	/ /84	ND1432N1	N	2.70	139	Khá	Luật		
130	ND1432N508	Trần Châu Duyên	04/07/87	ND1432N1	N	2.63	146	Khá	Luật		
131	ND1432N512	Phạm Thị Ngọc Diệp	23/11/83	ND1432N1	N	2.64	139	Khá	Luật		
132	ND1432N514	Lê Thị Mỹ Hạnh	03/02/94	ND1432N1	N	2.39	154	Trung bình	Luật		
133	ND1432N515	Lê Văn Hiến	16/01/72	ND1432N1		2.17	143	Trung bình	Luật		
134	ND1432N516	Trương Trọng Hiếu	26/09/89	ND1432N1		2.63	139	Khá	Luật		
135	ND1432N519	Nguyễn Minh Hoàn	18/03/77	ND1432N1		2.33	139	Trung bình	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
136	ND1432N520	Nguyễn Văn Hoàng	12/08/78	ND1432N1		2.53	152	Khá	Luật		
137	ND1432N522	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	10/02/79	ND1432N1	N	2.49	139	Trung bình	Luật		
138	ND1432N523	Nguyễn Hữu Hưng	/ /63	ND1432N1		2.24	143	Trung bình	Luật		
139	ND1432N524	Huỳnh Tuấn Huy	/ /92	ND1432N1		2.50	139	Khá	Luật		
140	ND1432N531	Lê Ngọc Loan	10/01/96	ND1432N1	N	2.45	139	Trung bình	Luật		
141	ND1432N532	Trần Tấn Lộc	31/01/79	ND1432N1		2.66	139	Khá	Luật		
142	ND1432N533	Nguyễn Văn Lợi	25/07/87	ND1432N1		2.59	139	Khá	Luật		
143	ND1432N536	Lê Văn Mỹ	14/09/89	ND1432N1		2.43	139	Trung bình	Luật		
144	ND1432N537	Bùi Thị Mai Ngân	15/04/85	ND1432N1	N	2.44	139	Trung bình	Luật		
145	ND1432N538	Võ Thị Mộng Nghi	23/08/91	ND1432N1	N	2.53	139	Khá	Luật		
146	ND1432N539	Bùi Thị Ngọc	08/01/91	ND1432N1	N	2.57	139	Khá	Luật		
147	ND1432N541	Lê Phước Ngon	24/01/84	ND1432N1		2.36	156	Trung bình	Luật		
148	ND1432N544	Nguyễn Văn Cúp No	28/04/92	ND1432N1		2.54	139	Khá	Luật		
149	ND1432N545	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	03/09/89	ND1432N1	N	2.46	146	Trung bình	Luật		
150	ND1432N547	Nguyễn Thành Phong	10/03/83	ND1432N1		2.61	139	Khá	Luật		
151	ND1432N548	Nguyễn Thị Kim Phụng	08/02/90	ND1432N1	N	2.18	146	Trung bình	Luật		
152	ND1432N549	Nguyễn Hồng Phước	30/12/86	ND1432N1		2.99	139	Khá	Luật		
153	ND1432N550	Tăng Hữu Phước	10/12/63	ND1432N1		2.21	143	Trung bình	Luật		
154	ND1432N552	Bùi Duy Sang	29/07/87	ND1432N1		2.40	139	Trung bình	Luật		
155	ND1432N555	Trương Tuấn Thái	07/09/87	ND1432N1		2.75	139	Khá	Luật		
156	ND1432N557	Huỳnh Sĩ Thanh	17/06/81	ND1432N1		2.45	139	Trung bình	Luật		
157	ND1432N559	Nguyễn Thị Kim Thảo	27/02/86	ND1432N1	N	2.22	139	Trung bình	Luật		
158	ND1432N561	Võ Thành Thọ	24/01/87	ND1432N1		2.40	139	Trung bình	Luật		
159	ND1432N562	Lê Phước Thọ	30/05/87	ND1432N1		2.26	144	Trung bình	Luật		
160	ND1432N567	Nguyễn Trần Chánh Tính	23/05/96	ND1432N1		2.78	139	Khá	Luật		
161	ND1432N569	Dương Minh Trân	04/04/96	ND1432N1	N	2.83	139	Khá	Luật		
162	ND1432N570	Nguyễn Thị Thùy Trang	12/01/91	ND1432N1	N	2.57	139	Khá	Luật		
163	ND1432N572	Phạm Văn Tú	18/08/86	ND1432N1		2.13	145	Trung bình	Luật		
164	ND1432N574	Phan Thị Bé Tư	12/02/85	ND1432N1	N	2.97	139	Khá	Luật		
165	ND1432N575	Nguyễn Thanh Tuấn	25/12/72	ND1432N1		2.53	146	Khá	Luật		
166	ND1432N577	Nguyễn Thị Thu Uyên	10/10/90	ND1432N1	N	2.58	139	Khá	Luật		
167	ND1432N578	Thiệu Thị Xuyên	18/09/84	ND1432N1	N	2.56	139	Khá	Luật		
168	VT1432N504	Trần Văn Gươm	20/02/95	VT1432N1		2.41	139	Trung bình	Luật		
169	VT1432N506	Nguyễn Thúy Hằng	09/03/77	VT1432N1	N	2.36	139	Trung bình	Luật		
170	VT1432N509	Phạm Thị Thoại Hương	24/07/90	VT1432N1	N	2.60	139	Khá	Luật		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 21

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
171	VT1432N515	Nguyễn Thùy Linh	22/01/88	VT1432N1	N	2.29	139	Trung bình	Luật		
172	VT1432N518	Trần Phi Long	12/07/96	VT1432N1		2.59	139	Khá	Luật		
173	VT1432N527	Huỳnh Thị Hồng Sứ	23/08/96	VT1432N1	N	2.63	139	Khá	Luật		
174	VT1432N528	Trương Văn Tám	02/02/64	VT1432N1		2.19	139	Trung bình	Luật		
175	VT1432N537	Huỳnh Thị Tường Vy	06/10/96	VT1432N1	N	2.55	139	Khá	Luật		
176	VT1432N538	Trần Văn Ngọc Xe	18/06/91	VT1432N1		2.18	139	Trung bình	Luật		

Tổng số danh sách: **698** sinh viên**Lập biểu****Trưởng Khoa Luật**Ngày 14 tháng 03 năm 2019
Giám đốc TT Liên kết Đào Tạo

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2
Kèm theo quyết định số _____/QĐ-ĐHCT - Ký ngày _____
Học kỳ 2 - Năm học 2018-2019

Đơn vị: Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
Ngành học: Quản lý đất đai (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (tập trung))											
1	CT1425M501	Nguyễn Văn Quốc Cường	/ /96	CT1425M1		2.45	140	Trung bình	Quản lý đất đai		
2	CT1425M507	Trần Quốc Khanh	26/08/95	CT1425M1		3.04	140	Khá	Quản lý đất đai		
3	CT1425M509	Quan Trường Bách Khoa	03/03/95	CT1425M1		2.77	140	Khá	Quản lý đất đai		
4	CT1425M514	Trần Minh Ngọc	10/11/90	CT1425M1		2.32	140	Trung bình	Quản lý đất đai		
5	CT1425M519	Tô Thị Cẩm Nhung	27/01/96	CT1425M1	N	3.14	140	Khá	Quản lý đất đai		
6	KG1425M500	Trần Vũ Anh	14/01/96	KG1425M1		2.56	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
7	KG1425M502	Lê Bá Duy	15/01/92	KG1425M1		2.30	140	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường		
8	KG1425M506	Nguyễn Văn Hải	26/06/90	KG1425M1		2.55	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
9	KG1425M508	Trương Thị Cẩm Huyền	19/09/95	KG1425M1	N	2.99	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
10	KG1425M512	Nguyễn Thị Kim Ngân	29/01/96	KG1425M1	N	2.82	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
11	KG1425M515	Lê Vũ Phong	15/09/95	KG1425M1		2.64	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
12	KG1425M516	Nguyễn Hữu Tài	29/06/92	KG1425M1		2.45	140	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường		
13	KG1425M518	Vương Minh Thiện	19/12/94	KG1425M1		2.56	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
14	KG1425M519	Hà Cẩm Tiên	12/07/95	KG1425M1	N	2.55	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
15	KG1425M525	Lê Thị Tươi	07/11/95	KG1425M1	N	2.69	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
16	KG1425M526	Nguyễn Hoàng Vũ	12/10/93	KG1425M1		2.74	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
Ngành học: Quản lý tài nguyên và môi trường (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (tập trung))											
1	DC14X7M005	Nguyễn Thị Kim Chi	03/08/95	DC14X7M1	N	2.74	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
2	DC14X7M012	Phạm Ánh Ngọc	13/09/93	DC14X7M1	N	2.90	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
3	DC14X7M023	Võ Thanh Trí	09/09/95	DC14X7M1		2.80	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
4	DC14X7M501	Phùng Thị Huyền	17/11/82	DC14X7M1	N	3.31	140	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường		
5	DC14X7M502	Nguyễn Hoàng Kha	08/09/96	DC14X7M1		2.70	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
6	DC14X7M506	Nguyễn Thị Tuyết Nghi	22/10/95	DC14X7M1	N	2.76	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
7	DC14X7M513	Võ Dương Anh Tài	06/11/96	DC14X7M1		2.82	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
8	DC14X7M515	Nguyễn Lê Thanh Thanh	06/04/96	DC14X7M1	N	3.11	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
9	DC14X7M518	Phan Thụy Tường Thy	16/08/96	DC14X7M1	N	2.81	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
10	DC14X7M519	Nguyễn Kiều Tiên	16/09/96	DC14X7M1	N	2.80	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
11	DC14X7M522	Nguyễn Kim Chi	25/09/96	DC14X7M1	N	3.28	140	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường		
12	DC14X7M524	Hồ Hoàng Khiêm	24/10/94	DC14X7M1		2.63	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
13	DC14X7M525	Lê Thị Cẩm Tiên	11/03/96	DC14X7M1	N	2.97	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
14	DC14X7N504	Chung Nam Quý	13/05/96	DC14X7M1		3.22	140	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường		
15	ST14X7M006	Thạch Anh Duy	02/02/92	DC14X7M1		2.83	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
16	ST14X7M007	Nguyễn Thanh Duy	23/10/96	DC14X7M1		3.14	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
17	ST14X7M016	Huỳnh Minh Ngọc	12/08/96	DC14X7M1	N	3.33	140	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường		
18	ST14X7M020	Sơn Minh Tiến	20/06/93	DC14X7M1		2.53	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		

Tổng số danh sách: **34** sinh viên**Lập biểu****Trưởng Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên**Ngày 14 tháng 03 năm 2019
Giám đốc TT Liên kết Đào Tạo

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2
Kèm theo quyết định số _____/QĐ-ĐHCT - Ký ngày _____
Học kỳ 2 - Năm học 2018-2019

Đơn vị: Khoa Nông nghiệp

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
Ngành học: Công nghệ thực phẩm (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (tập trung))											
1	CT1408M500	Liên Tú Anh	18/01/93	CT1408M1	N	2.06	141	Trung bình	Công nghệ thực phẩm		
2	CT1408M501	Huỳnh Lê Ngọc Biển	25/10/93	CT1408M1		2.07	141	Trung bình	Công nghệ thực phẩm		
3	CT1408M502	Thị Ngọc Cẩm	11/12/96	CT1408M1	N	2.32	141	Trung bình	Công nghệ thực phẩm		
4	CT1408M504	Nguyễn Đức Danh	25/06/96	CT1408M1		2.29	141	Trung bình	Công nghệ thực phẩm		
5	CT1408M507	Bùi Thị Phương Giang	27/09/96	CT1408M1	N	2.91	141	Khá	Công nghệ thực phẩm		
6	CT1408M509	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	21/07/96	CT1408M1	N	2.22	141	Trung bình	Công nghệ thực phẩm		
7	CT1408M514	Nguyễn Mộng Kha	02/07/95	CT1408M1	N	2.32	141	Trung bình	Công nghệ thực phẩm		
8	CT1408M517	Trang Hồng Khanh	20/06/94	CT1408M1		2.33	141	Trung bình	Công nghệ thực phẩm		
9	CT1408M523	Lâm Thị Trang Nhựt	06/08/95	CT1408M1	N	2.10	141	Trung bình	Công nghệ thực phẩm		
10	CT1408M529	Nguyễn Thị Cẩm Thi	12/01/96	CT1408M1	N	2.59	141	Khá	Công nghệ thực phẩm		
11	CT1408M533	Nguyễn Thị Thảo Trâm	21/02/96	CT1408M1	N	2.73	141	Khá	Công nghệ thực phẩm		
12	CT1408M534	Phạm Thị Hồng Trang	17/10/96	CT1408M1	N	3.03	141	Khá	Công nghệ thực phẩm		
13	CT1408M536	Lê Thị Kim Trúc	15/04/94	CT1408M1	N	2.24	141	Trung bình	Công nghệ thực phẩm		
Ngành học: Thú y (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (bán tập trung))											
1	CT1367N001	Lưu Hải Đăng	21/08/95	CT1367N1		2.87	154	Khá	Thú y		
2	CT1367N004	Lưu Quốc Lâm	22/03/94	CT1367N1		3.07	154	Khá	Thú y		
3	CT1367N007	Võ Hữu Lộc	10/10/95	CT1367N1		2.43	154	Trung bình	Thú y		
4	CT1367N009	Lê Huỳnh Hoài Nhân	15/02/95	CT1367N1		2.42	154	Trung bình	Thú y		
5	CT1367N016	Nguyễn Thanh Thúy	25/09/94	CT1367N1	N	3.03	154	Khá	Thú y		
6	CT1367N022	Phan Trung Trực	04/10/95	CT1367N1		3.19	154	Khá	Thú y		
7	CT1367N024	Phạm Hoàng Chiến	10/09/94	CT1367N1		2.43	154	Trung bình	Thú y		
8	CT1367N028	Lê Thị Thúy Hằng	01/01/94	CT1367N1	N	2.54	154	Khá	Thú y		
9	CT1367N029	Trần Thị Thu Hương	10/09/95	CT1367N1	N	2.52	154	Khá	Thú y		
10	CT1367N033	Đào Hoàng Nam	04/01/95	CT1367N1		2.55	154	Khá	Thú y		
11	CT1367N036	Hồ Quốc Tài	00/00/94	CT1367N1		2.48	154	Trung bình	Thú y		

Tổng số danh sách: **24** sinh viên

Lập biểu

Trưởng Khoa Nông nghiệp

Ngày 14 tháng 03 năm 2019
Giám đốc TT Liên kết Đào Tạo

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: 19T2
Kèm theo quyết định số _____/QĐ-ĐHCT - Ký ngày _____
Học kỳ 2 - Năm học 2018-2019

Đơn vị: Khoa Công nghệ

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
Ngành học: Kỹ thuật điện, điện tử (Hệ Đại học - Vừa làm vừa học (chuẩn hóa))											
1	ND1561P503	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	21/09/81	ND1561P1		2.97	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
2	ND1561P504	Nguyễn Thanh Bình	03/01/74	ND1561P1		3.04	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
3	ND1561P505	Nguyễn Văn Cần	02/04/86	ND1561P1		2.91	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
4	ND1561P507	Nguyễn Hữu Duy	01/03/88	ND1561P1		2.98	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
5	ND1561P509	Đặng Văn Đàn	26/03/72	ND1561P1		3.44	102	Giỏi	Kỹ thuật điện, điện tử		
6	ND1561P510	Nguyễn Thành Đạt	15/06/73	ND1561P1		3.59	102	Giỏi	Kỹ thuật điện, điện tử		
7	ND1561P511	Nguyễn Phước Đủ	21/12/80	ND1561P1		3.01	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
8	ND1561P512	Nguyễn Thành Được	/ /87	ND1561P1		2.99	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
9	ND1561P513	Lại Thị Ngọc Hiếu	04/11/83	ND1561P1	N	2.99	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
10	ND1561P514	Võ Tấn Hiếu	20/12/81	ND1561P1		2.90	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
11	ND1561P515	Nguyễn Hữu Hòa	27/11/65	ND1561P1		3.19	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
12	ND1561P517	Trần Văn Hòa	30/08/92	ND1561P1		2.97	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
13	ND1561P518	Nguyễn Thanh Hùng	/ /78	ND1561P1		3.01	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
14	ND1561P520	Nguyễn Thành Lộc	08/11/92	ND1561P1		2.65	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
15	ND1561P521	Nguyễn Thị Thu Ngân	08/10/93	ND1561P1	N	2.89	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
16	ND1561P523	Lê Văn Tâm	21/06/85	ND1561P1		2.88	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
17	ND1561P524	Võ Chí Tâm	28/08/92	ND1561P1		2.88	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
18	ND1561P528	Hà Văn Thơ	26/03/84	ND1561P1		2.96	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
19	ND1561P531	Nguyễn Tấn Toàn	02/05/80	ND1561P1		3.06	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
20	ND1561P533	Kiều Chí Trung	24/12/73	ND1561P1		2.82	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
21	ND1561P534	Võ Quốc Trung	15/09/80	ND1561P1		2.92	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
22	ND1561P535	Lê Thanh Tuấn	01/08/86	ND1561P1		2.83	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
23	ND1561P536	Nguyễn Vũ Minh Tuấn	12/10/84	ND1561P1		2.98	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
24	ND1561P537	Võ Thị Hồng Vân	/ /85	ND1561P1	N	3.01	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		
25	ND1561P538	Nguyễn Thanh Xuân	09/09/87	ND1561P1		2.94	102	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử		

Tổng số danh sách: **25** sinh viên

Lập biểu

Trưởng Khoa Công nghệ

Ngày 14 tháng 03 năm 2019
Giám đốc TT Liên kết Đào Tạo